

TRUYỆN TRANH SONG NGỮ VIỆT- ANH

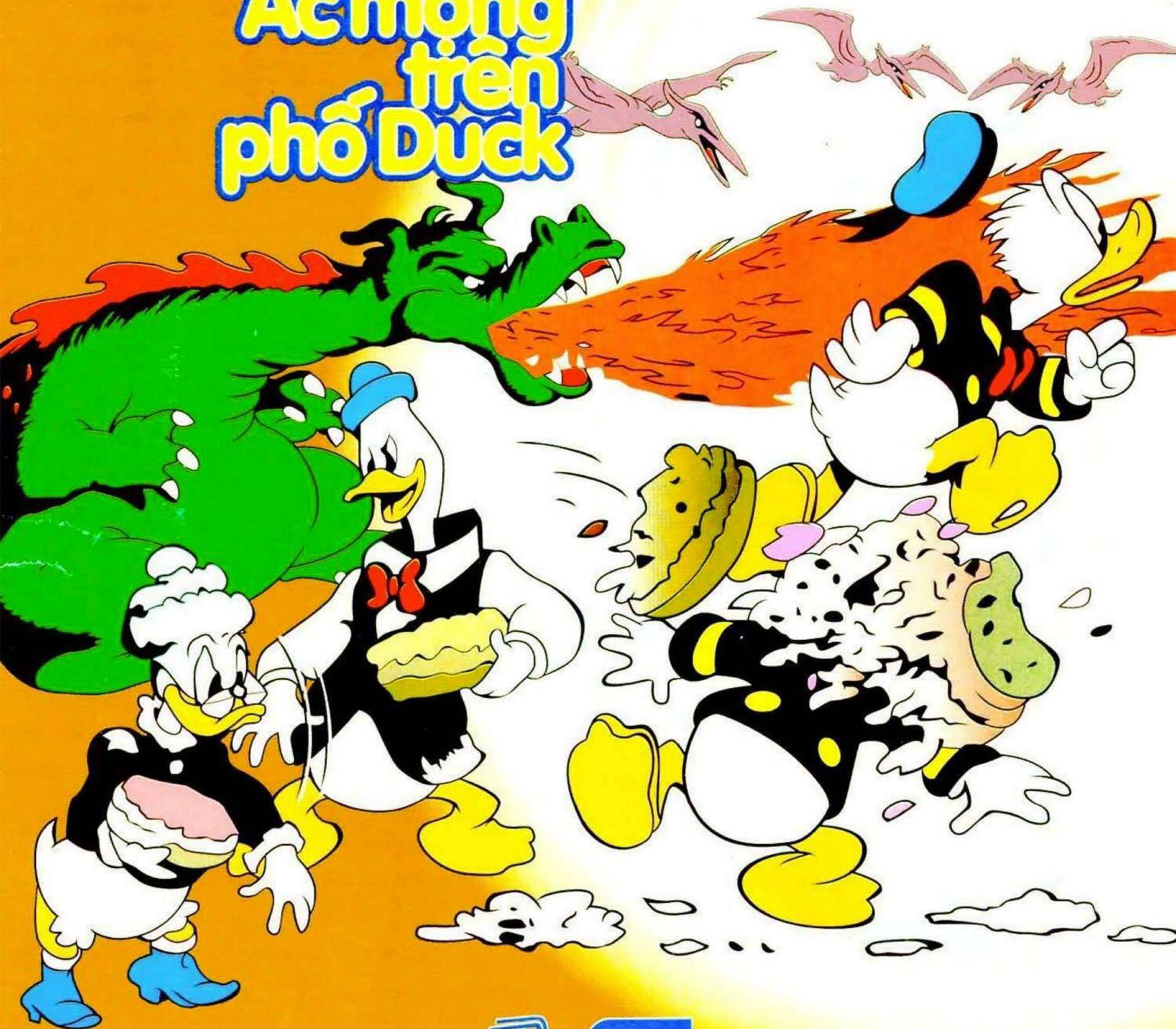
WALT DISNEY'S

Donald và bạn hữu

Tập 28

© Disney Enterprises, Inc.,
The Saigon Times hợp tác xuất bản
với Nhà Xuất bản Trẻ
Theo hợp đồng li-xăng của Walt Disney
dành cho Saigon Times

Ác mộng
trên
phố Duck



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ



THE SAIGON TIMES

VỊT DONALD

Trận bão kinh hoàng

Người dịch: TRƯỜNG HẢI

1. Túi mình để dành được hai mươi đô-la...

2. ...do túi mình kiếm được...

3. ...bằng công việc xúc tuyết!



1. We have twenty dollars saved... 2. ...from the money we earned... 3. ...shovelling snow!

4. Hai mươi đô-la! Các cháu sẽ làm gì với số tiền đó vậy?



5. Ô, túi cháu sẽ kiếm một món gì đó...

6. ...để xài... số tiền này!

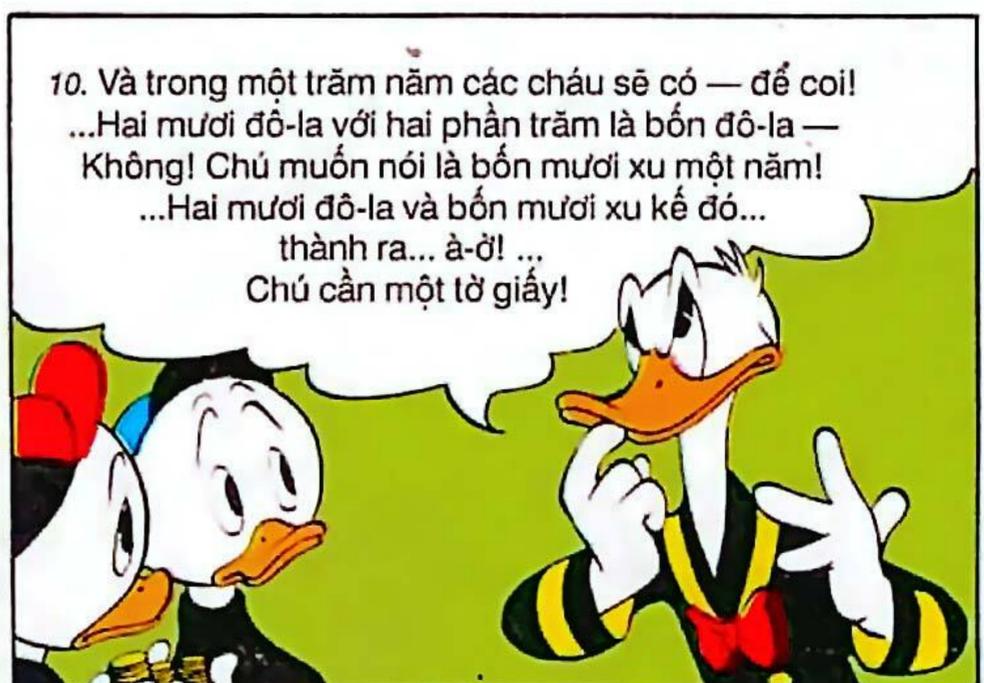
8. Thôi! Đừng nói nữa!



4. Twenty dollars! What are you going to do with it? 5. Oh, we'll find something... 6. ...to spend... 7. ...it for! 8. Stop! Say no more!

9. Các cháu sẽ không tiêu xài gì hết! Các cháu sẽ gửi hai mươi đô-la này vô ngân hàng, với mức lãi kép hai phần trăm!

10. Và trong một trăm năm các cháu sẽ có — để coi! ...Hai mươi đô-la với hai phần trăm là bốn đô-la — Không! Chú muốn nói là bốn mươi xu một năm! ...Hai mươi đô-la và bốn mươi xu kể đó... thành ra... à-ờ! ... Chú cần một tờ giấy!



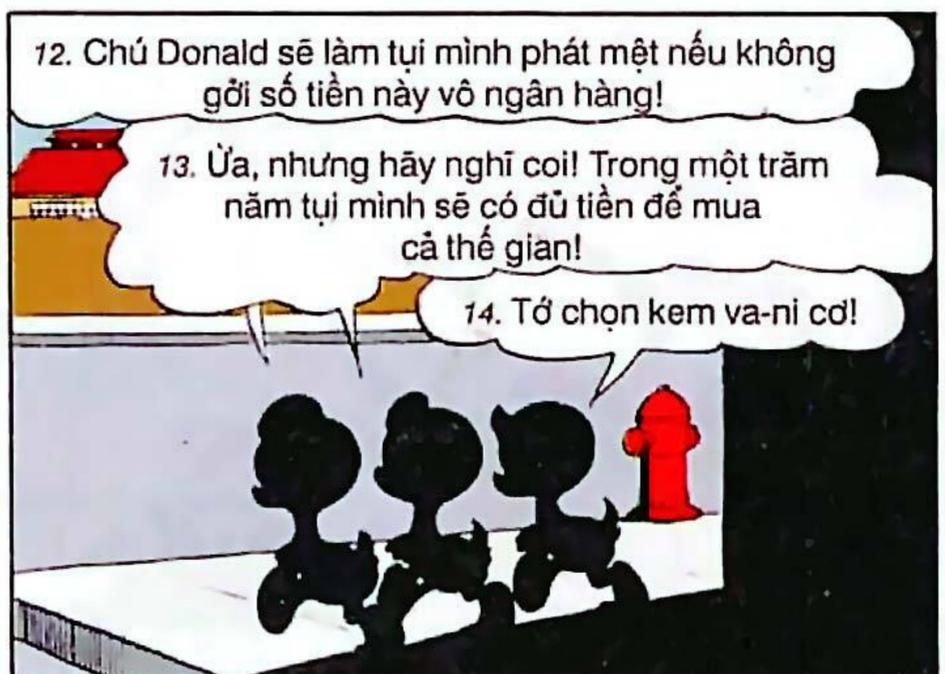
9. You will spend it for nothing! You will put the twenty dollars in the bank, at compound interest of two percent! 10. And in one hundred years you will have — let's see! ...Twenty dollars at two percent is four dollars — No! I mean forty cents for one year!... The next twenty dollars and forty cents... equals... ah-uh! ...I need some paper!

11. $20,4 \text{ đô-la} \times 2\% = 20,4 \text{ đô-la}$ và tám phần mười xu! ...Cộng số đó với 20,4 đô-la... bằng 40,8 đô-la và — Không! ...Khoan đã! ...20,8 đô-la và tám phần mười xu! Bây giờ đến năm thứ ba...

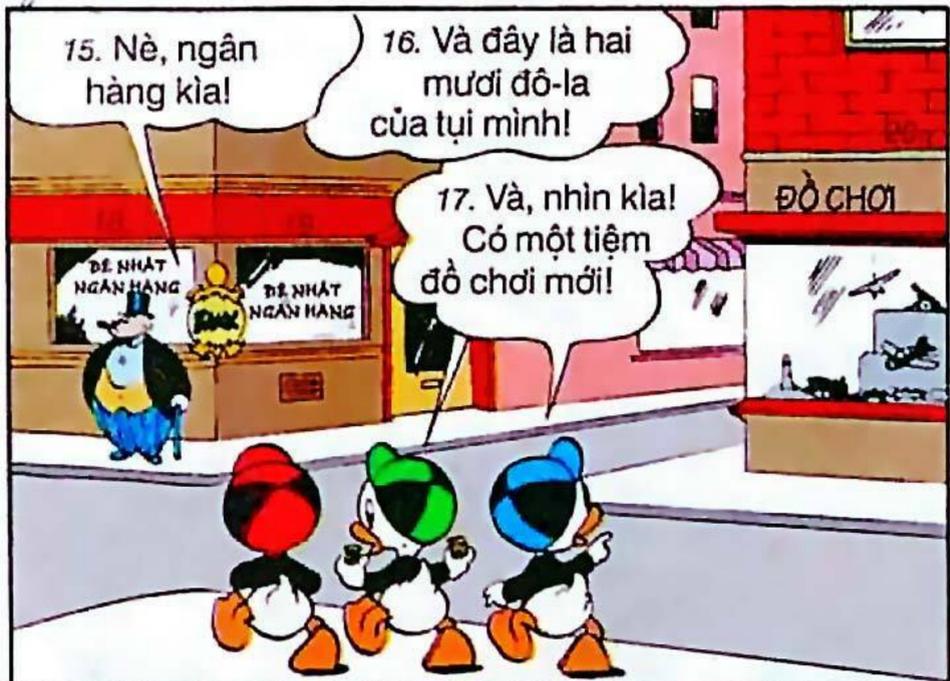
12. Chú Donald sẽ làm túi mình phát mệ nếu không gửi số tiền này vô ngân hàng!

13. Ừ, nhưng hãy nghĩ coi! Trong một trăm năm túi mình sẽ có đủ tiền để mua cả thế gian!

14. Tổ chọn kem va-ni cơ!



11. $\$20.40 \times 2\% = \20.40 and eight mills! ...Add that to $\$20.40$... gives $\$40.80$ and — NO! ...Wait a minute! ... $\$20.80$ and eight mills! Now for the third year — 12. Unca Donald will wear us out if we don't put this money in the bank! 13. Yeah, but think of it! In one hundred years we'll have enough money to buy the whole world! 14. I'll take vanilla!



15. Nè, ngân hàng kia!

16. Và đây là hai mươi đô-la của tụi mình!

17. Và, nhìn kia! Có một tiệm đồ chơi mới!



21. Họ có những mô hình máy bay bay được kia!

22. Và những động cơ thật trong những chiếc xe đua nhỏ xíu kia!

23. Những cái này là gì vậy — bom à?

15. Well, there's the bank! 16. And here's our twenty dollars! 17. And, look! There's a new toy shop! 18. FIRST SIXTE BANK 19. FIRST SIXTE BANK 20. Toys 21. They've got model airplanes that fly! 22. And real motors in those little racing cars! 23. What are these things — bombs?



24. MÁY PHẢN LỰC!

25. Động cơ phản lực 2 đô-la

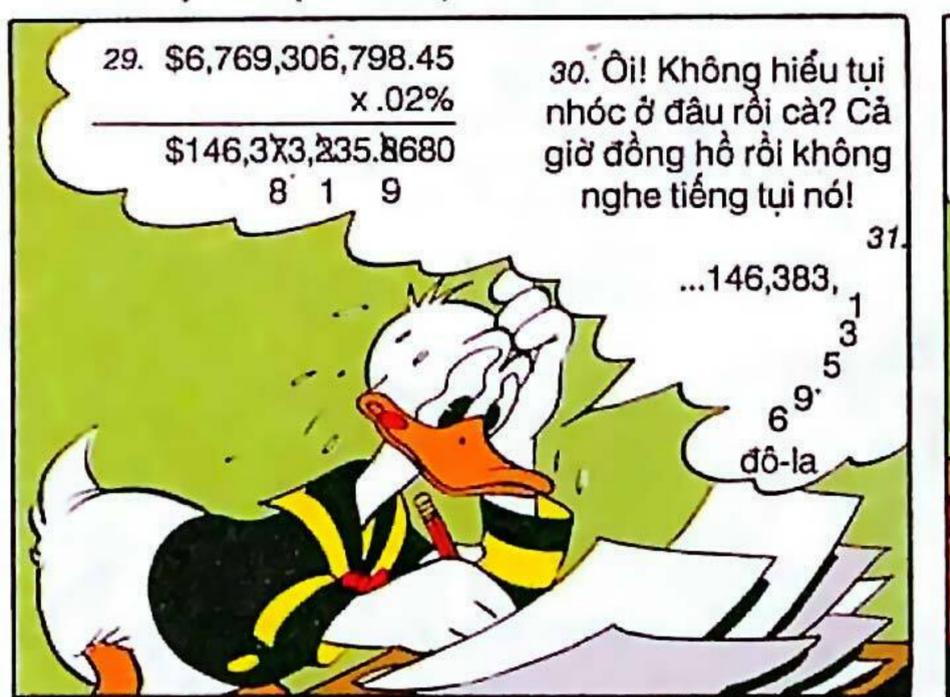


26. Chao ôi! Máy phản lực!

27. Với máy phản lực thì có việc gì mà mình làm không được!

28. Mà chúng chỉ có 2 đô-la một cái thôi!

24. JET ENGINES! 25. Jet motors! \$2.00 26. Gee! Jet engines! 27. What we couldn't do with jet engines! 28. And they're only \$2.00 a piece!



29. $\$6,769,306,798.45 \times .02\%$
 $\$146,373,235.8680$
 8 1 9

30. Ôi! Không hiểu tụi nhóc ở đâu rồi cả? Cả giờ đồng hồ rồi không nghe tiếng tụi nó!

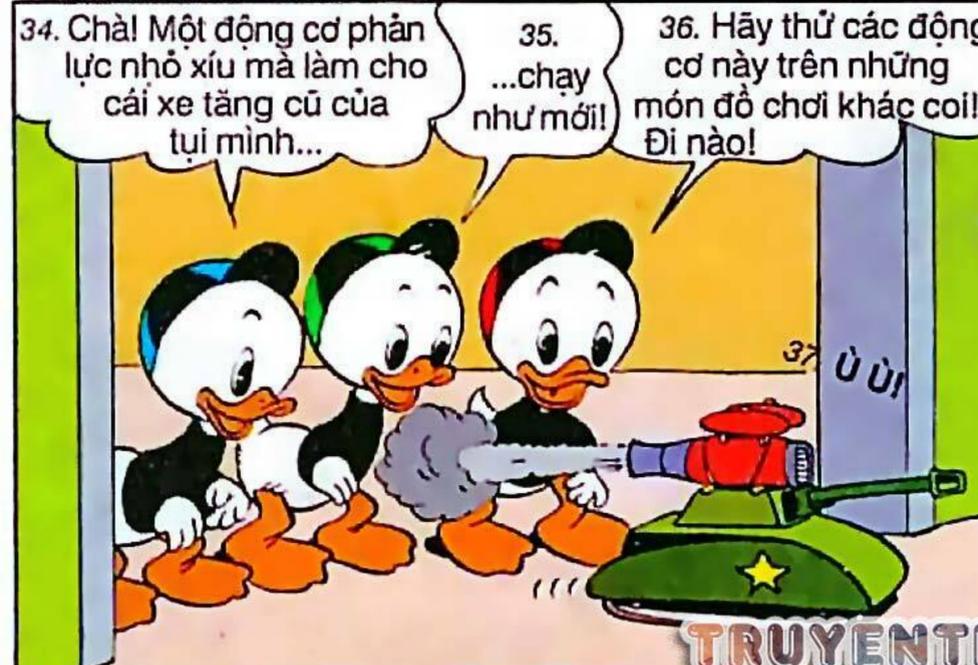
31. ...146,383,¹
³
⁵
 6 9^{đô-la}



32. Sáu tỉ, bảy trăm sáu mươi triệu ba trăm lẻ sáu ngàn... Minh nghe có tiếng kêu ù ù, hay đó là tiếng kêu của óc mình...

33. ù ù

29. $\$6,769,306,798.45 \times .02\% = \$146,373,235.8680$ 8 1 9 30. Sigh! Wonder where the kids are? I haven't heard 'em for an hour! 31. ... $\$146,383,13596$ 32. Six billion, seven hundred sixty-nine million, three hundred and six thousand — Do I hear something buzzing, or is it my brain? 33. BUZZZ



34. Chà! Một động cơ phản lực nhỏ xíu mà làm cho cái xe tăng cũ của tụi mình...

35. ...chạy như mới!

36. Hãy thử các động cơ này trên những món đồ chơi khác coil đi nào!

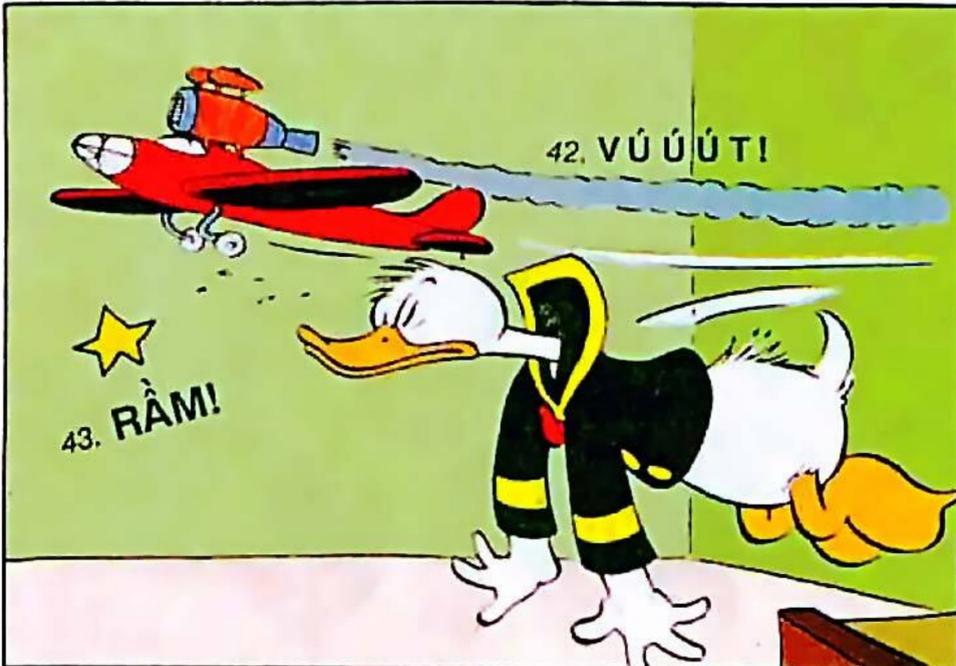
37. ù ù



38. QUÁÁC!

39. RỒỒỒ

34. Gee! One little jet motor makes our old tank... 35. ...run like new! 36. Let's try 'em on other toys! Come on! 37. BUZZZ! 38. SQUEECH! 39. ZOW



40. What on earth is percolating here? 41. BUZZZZ! 42. BZZAZZ! 43. WHAM!



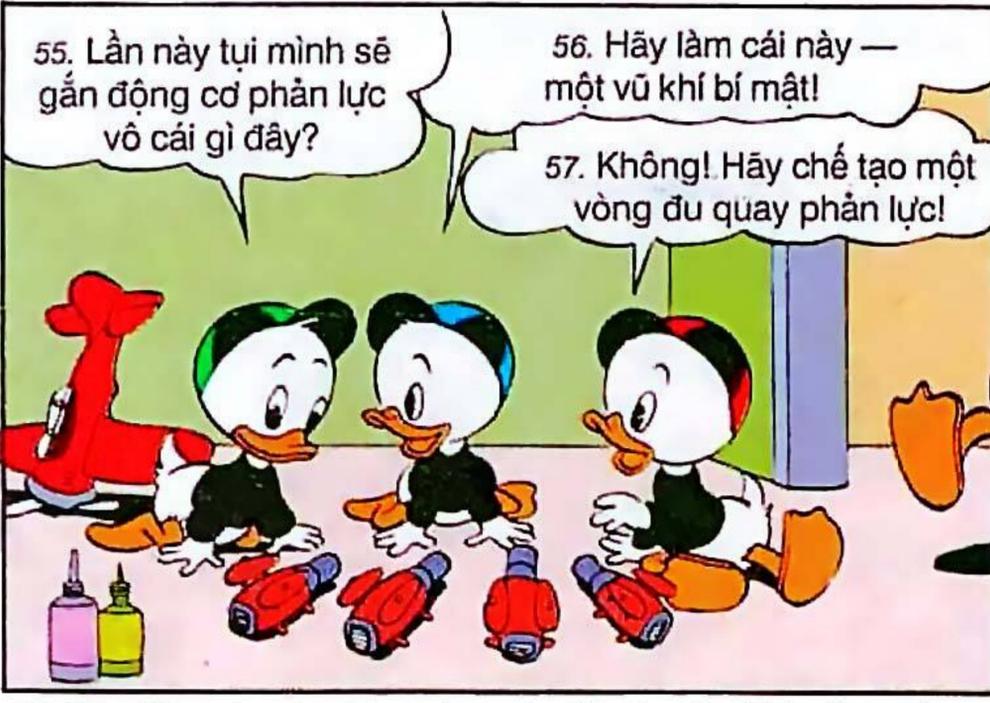
44. A toy plane hit me! But what gives it such power? 45. BUZZZZ 46. HEY! OWCH!!! 47. ROAR



48. The kids' old toy auto, making a hundred miles an hour! 49. Ah! I'll see what's driving these old junky toys!



50. Wow! The thing's alive! It pulls like a horse! 51. BZZZ 52. ZZZZ 53. Something's screwy around here, and I'm gonna find out what! 54. ZZZOW



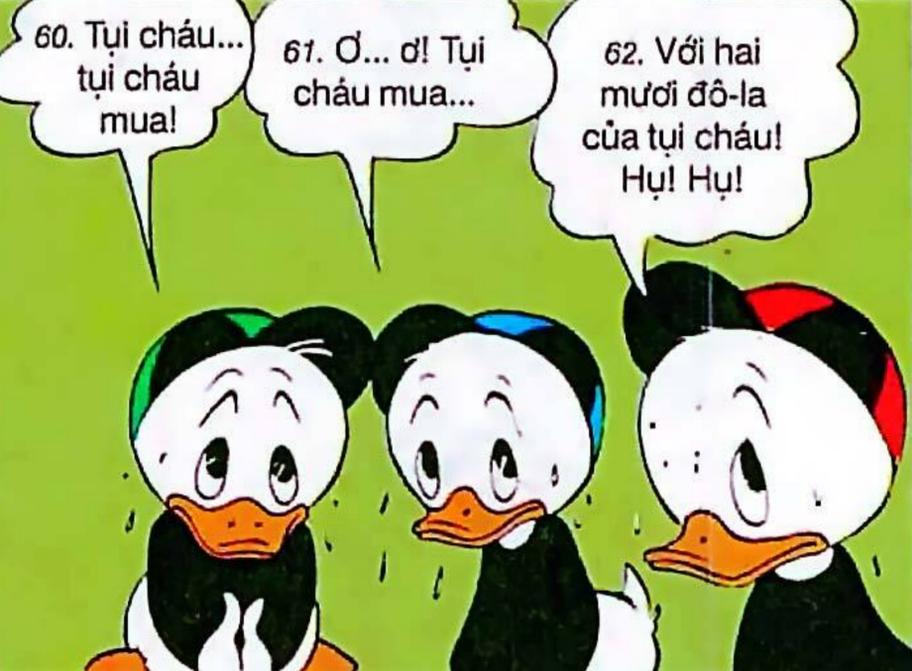
55. What'll we hook a jet motor onto this time? 56. Let's make something — a secret weapon! 57. Naw! Let's build a jet merry-go-round!



58. SO!



59. How did you kids get those fiendish devices — those death-dealing jet monstrosities? 60. We-we bought 'em!



61. Uh-huh! We bought 'em — 62. With our twenty dollars! Cough! Cough!



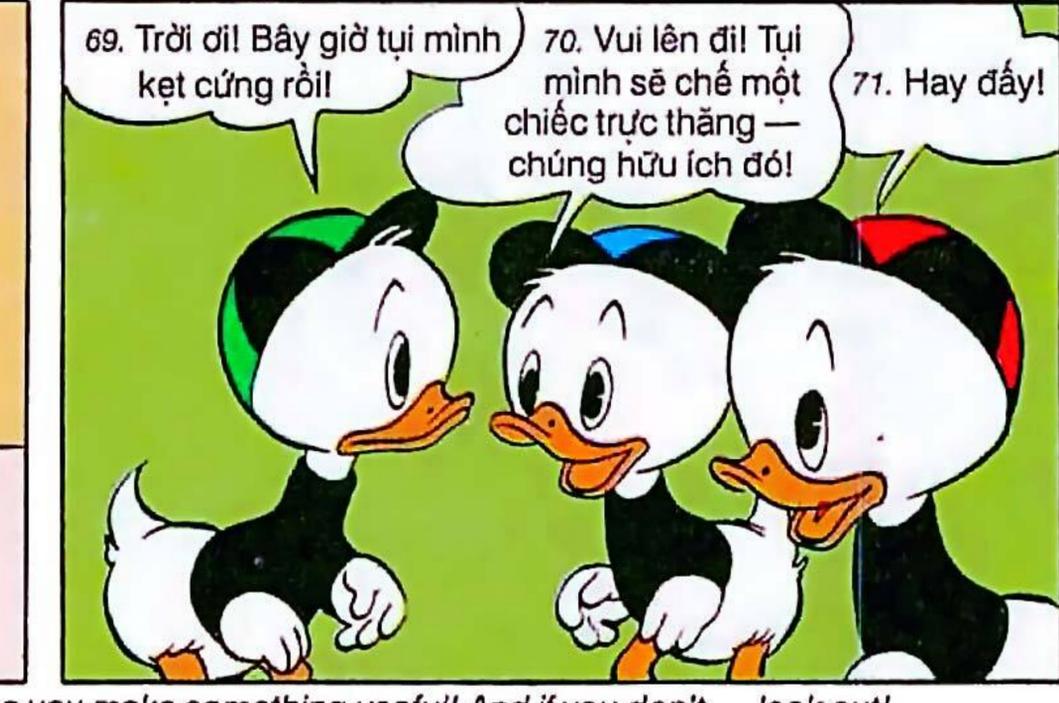
63. With the twenty dollars that I told you to put in the bank!



64. Waster!! Squanderers! 65. But, Unca Donald, we can do wonders with these motors! 66. They are... 67. ...useful things!



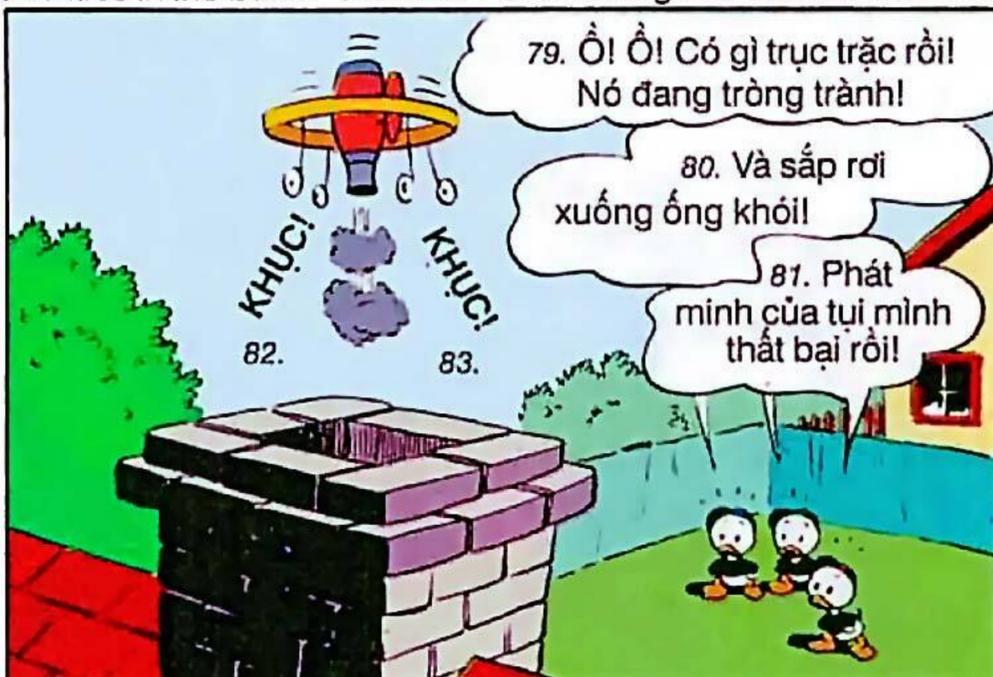
68. Useful things! ...If they're so doggone useful, let's see you make something useful! And if you don't — look out!



69. Golly! Now we're on a spot! 70. Cheer up! Let's build a helicopter — they're useful! 71. Now you're talkin'!



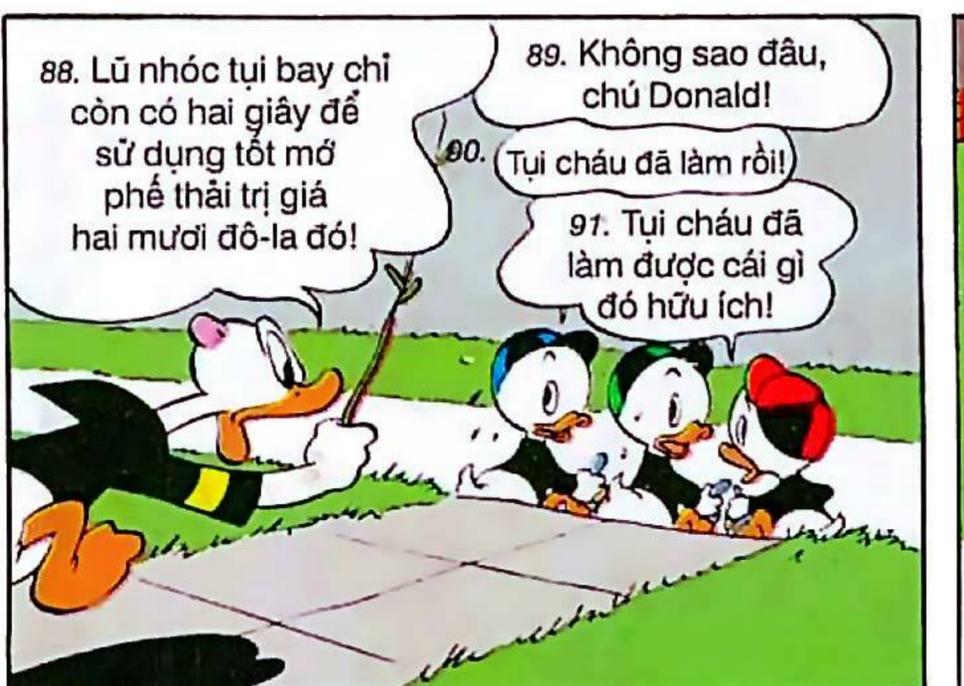
72. This helicopter is simple to make! 73. We'll get a patent on it and make billions of dollars! 74. Then we can put lots of twenties in the bank! 75. GAS 76. There it goes! Into the wild blue yonder! 77. Hooray! Duck brothers make history! 78. ZOOM!



79. Oh! Oh! Something is wrong! It's stalling! 80. And about to crash in the chimney! 81. Our invention is a fizzle! 82. BZZT! 83. BZZT! 84. Can that be a nest of wasps in my chimney? I'll take a look! 85. BZT! BZZT!



86. THUD! 87. If that is a useful invention, what is it useful for?



88. You kids have just two seconds to make good with your twenty dollars worth of jet junk! 89. Never mind, Unca Donald! 90. We have! 91. We've made something useful! 92. Jet-propelled skates! 93. ZZZ 94. BUZZZ 95. BUZZ



96. Ta không bắt được tụi bay, nhưng tối nay ta sẽ tóm tụi bay!



97. Ngay bây giờ mình có cuộc hẹn đi bộ việt dã với Câu lạc bộ Những Người Rảnh Rang Vui Vẻ! Bọn mình sẽ xem ai có thể tìm được đóa hoa anh thảo đầu tiên!



96. I can't catch you, but I'll get you tonight! 97. Right now I have a date to go hiking with the Merry Loafers' Club! We're going to see who can find the first cowslip!

98. Lũ nhóc côn đồ tụi bay có thể sẽ tiến bộ nếu chịu săn tìm hoa anh thảo thay vì phí thời giờ và tiền bạc với những cái máy phản lực!



99. Giả dụ anh em nhà họ Wright đã dùng thời giờ của họ để săn tìm hoa anh thảo!

100. Ủ! Cứ nghĩ coil!

101. Bỏ qua những chuyện thành công đi! Tụi mình vẫn còn phải chứng tỏ với chú Donald rằng tụi mình không có lãng phí thời gian!



98. You little roughnecks would improve yourselves if you would hunt cowslips instead of wasting your time and money with jet engines! 99. Suppose the Wright Brothers had spent their time hunting cowslips! 100. Yeah! Think of it! 101. Never mind the success stories! We still have to prove to Unca Donald that we aren't wasting our time!

102. Chú Donald đang đi dự cuộc đi bộ việt dã!

103. Mình hãy vọt về xưởng của tụi mình và chế một phi cơ phản lực thật to!

104. Một phi cơ với sáu máy! Một siêu phi cơ!



105. Trong lúc lũ trẻ làm việc thì Donald và Những Người Rảnh Rang Vui Vẻ đang vui thú trong rừng!

106. CÚC CUI!

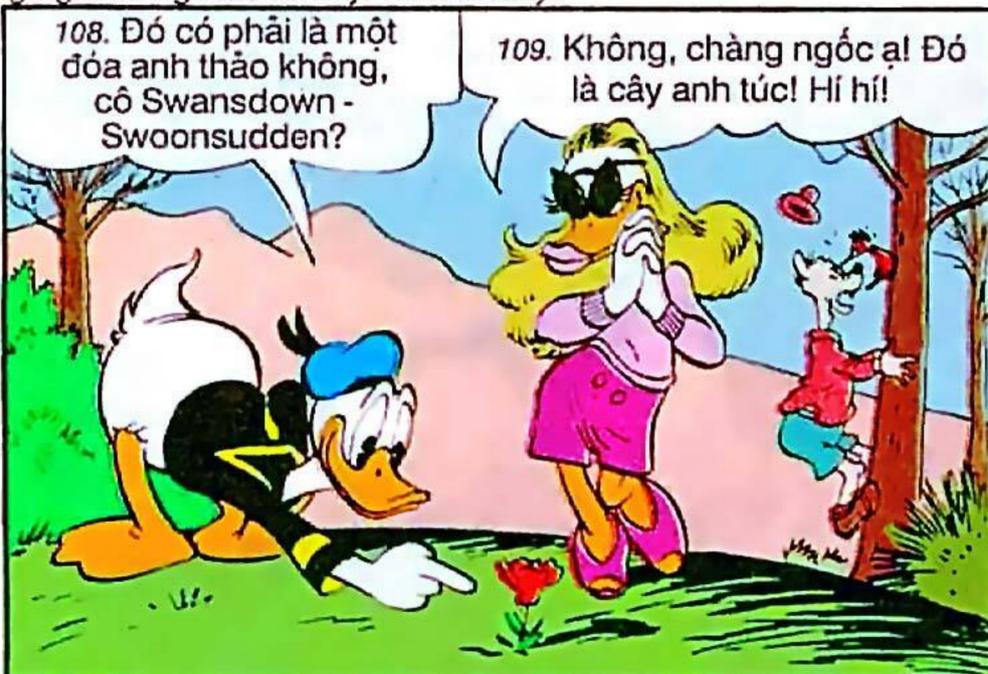
107. Chúng ta sẽ đi lượm hạt vào tháng năm! Hạt vào tháng năm!



102. Unca Donald is leaving for his hike! 103. Let's scam back to our workshop and make a real big jet plane! 104. One with six engines! A super plane! 105. While the kids labor, Donald and the Merry Loafers have a high old time in the woods! 106. COO! COO! 107. We'll go gathering nuts in May! Nuts in May!

108. Đó có phải là một đóa anh thảo không, cô Swansdown - Swoonsudden?

109. Không, chàng ngốc ạ! Đó là cây anh túc! Hí hí!

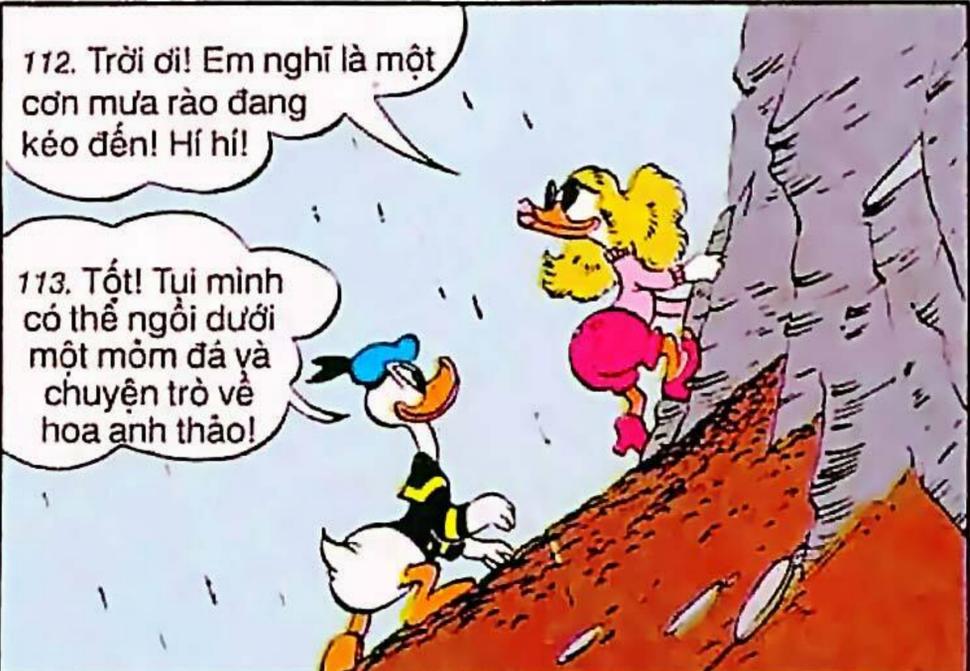


110. Anh cá là nếu tụi mình trèo lên đỉnh Núi đá nhọn — em và anh — tụi mình sẽ tìm được một bông anh thảo!

111. Em biết là mình sẽ chẳng tìm được đâu! Nhưng em nghĩ đó là một ý kiến tuyệt đấy! Hí hí!



108. Is that a cowslip, Miss Swansdown-Swoonsudden? 109. No, silly boy! That's a poppy! Tee hee! 110. I bet if we climbed Pinnacle Rock — you and I — we'd find a cowslip! 111. I know we wouldn't! But I think it's a grand idea! Tee hee!



112. Trời ơi! Em nghĩ là một cơn mưa rào đang kéo đến! Hí hí!

113. Tốt! Tụi mình có thể ngồi dưới một mòm đá và chuyện trò về hoa anh thảo!



114. Thấy sao hà, cô S.S.?

115. Rất, rất ấm cúng, ông D.D. à! Hí hí!

112. Goodness! I think a shower is coming! Tee hee! 113. Good! We can sit under a rock and talk about cowslips!
114. How's this, Miss S. S.? 115. Very, very cozy, Mister D. D.! Tee hee!

116. Nhưng sự ấm cúng chẳng được bao lâu! Chẳng mấy chốc cơn mưa rào chuyển thành một cơn bão — cơn bão tệ hại nhất trong nhiều năm qua!



117. Ô! Thật là kinh khủng! Kinh khủng!

118. Em chưa thấy điều tồi tệ nhất đâu! Hãy nhìn xem điều gì đang xảy ra bên dưới kia!



119. Toàn bộ cái nền dốc của đỉnh núi đá nhọn này đang trượt xuống hẻm núi!

120. RẦM!

116. But the coziness is not for long! Soon the shower turns into a storm — the worst in years! 117. Oh! This is terrible! Terrible!! 118. You haven't seen the worst yet! Look what's happening below! 119. The whole sloping base of this pinnacle is sliding away into the gorge!
120. ROAR!



121. Không thể nào leo xuống phần còn lại của tảng đá này? Tụi mình đã bị giam ở đây rồi!



122. CỨU! CỨU! CỨU CHÚNG TÔI VỚI!

123. CỨU!

121. It's impossible to climb down what is left of this pinnacle! We're marooned up here! 122. HELP! HELP! SAVE US!
123. HELP!



124. Đó là Vịt Donald và cô Swansdown - Swoonsudden!

125. Họ bị mắc kẹt trên đó!

126. Họ sẽ xuống bằng cách nào đây?



127. Các bạn hội viên Những Người Rảnh Rang Vui Vẻ, chúng ta phải cứu những người khốn khổ đó! Nếu ai có thể đề nghị một cách gì đó để cứu thoát họ, xin hãy lên tiếng ngay!

128. Nhắc họ khỏi đó bằng những con chim ưng đã được huấn luyện!

129. Xây dựng một đường hầm thang máy lên giữa tảng đá!

130. Hãy đóng cho họ bảo hiểm mười ngàn đô-la rồi để cho hãng bảo hiểm cứu họ!

124. It's Donald Duck and Miss Swansdown-Swoonsudden! 125. They're trapped up there! 126. How'll they get down?
127. Fellow members of the Merry Loafers, we must save those suffering souls! If anybody can suggest a way to rescue them, speak right up! 128. Pick 'em off with trained eagles! 129. Build an elevator shaft up the center of the rock! 130. Insure 'em for ten G's, and let the insurance company save 'em!



131. Những tay leo núi khỏe mạnh cố gắng trèo lên tảng đá dựng đứng!

132. Tảng đá chết tiệt này quá dốc! Tở nghĩ, tụi mình có phải là loài ruồi đậu!



133. Những phi công gan dạ đường đầu với cơn bão để thả những cái dù xuống cho hai người bị mắc kẹt!

131. Strong climbers try to scale the sheer pinnacle! 132. This rock is too darn steep! We aren't flies, I think! 133. Dauntless fliers brave the storm to drop parachutes to the stranded pair!



134. Vô ích! Tảng đá đó quá nhỏ để ném trúng được!



135. Ý kiến về dù cũng đã thất bại! Nhưng hãy tin tưởng đi, một chiếc trực thăng đang xuống để cứu hộ!

134. It's useless! That pinnacle is too small to hit in this sale! 135. The parachute idea fizzled, too! But take heart, a helicopter is coming down to make the rescue!



136. Cúi đầu xuống! Không thể nói trước lúc nào thì gió có thể xô tôi đụng vào tảng đá!



137. Coi chừng! Trực thăng không còn kiểm soát được nữa!

TRUYENTRANHPHAPBI.COM

136. Keep your heads down! No tellin' when the wind may sweep me against the rock! 137. Look out! She's out of control!



138. Ôi! Cứu tôi! Hãy đưa cái cửa ớn ào chết tiệt đó ra khỏi chỗ này!



140. Gió quá, anh bạn ạ! Tôi sẽ trở lại vì các bạn vào một buổi chiều nắng tốt nào đó!

141. Ôi, khổ thân chúng tôi! Chúng tôi sẽ tàn lụi ở nơi này!

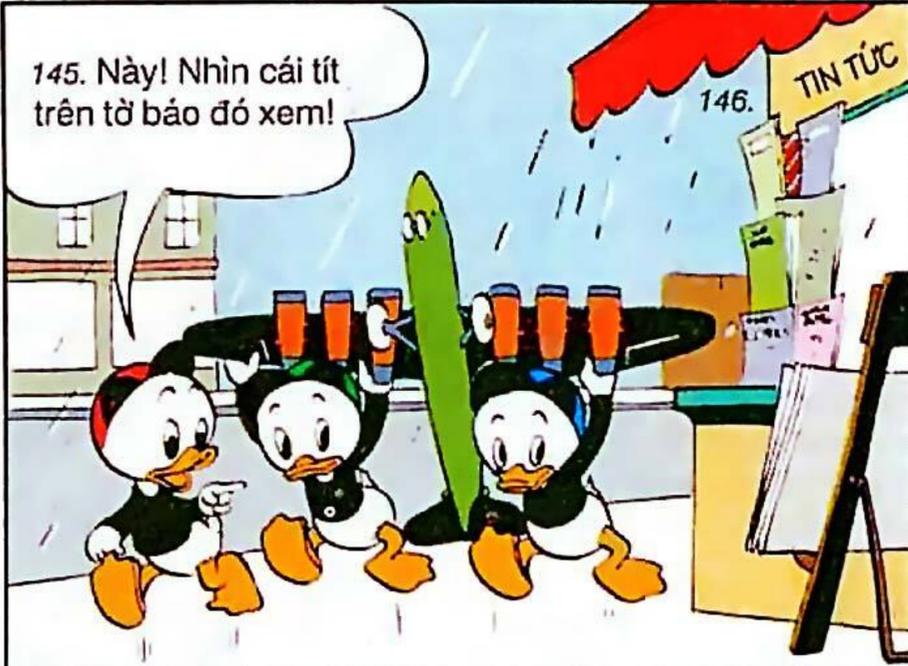
138. Ow! Help! Take that darn buzz saw away from here! 139. SWISH 140. Too windy, bub! I'll come back for you some sunny afternoon! 141. Oh, woe is us! We shall perish here!



142. Chiếc máy bay phân lực sáu động cơ của tụi mình đã hoàn thành!

143. Mình sẽ phải đem nó ra ngoài thành phố để cho nó bay thử nghiệm!

144. Nó sẽ bay lẹ hơn âm thanh, dù là trong cơn bão này!



145. Này! Nhìn cái tí trên tờ báo đó xem!

146. TIN TỨC

142. Our six-motor plane is finished! 143. We'll have to take it out of town to give it a test flight! 144. It'll fly faster than sound, even in this storm! 145. Hey! Look at the headlines on that newspaper! 146. NEWS



147. "Hai người kẹt trên đỉnh núi nhọn"!

148. "Cơn bão ngăn cản việc cứu hộ"!

149. Này! Đó là chú Donald và một cô gái giàu có nào đó!



150. Tụi mình có thể cứu được họ!

151. Tất cả những gì tụi mình cần là nhiều dây thừng và một sợi dây chắc chắn!

152. Tớ sẽ kiếm mấy món đó và gặp các cậu ở đỉnh Núi đá nhọn! Lẹ lên!

147. "Pair trapped on pinnacle"! 148. "Storm prevents rescue"! 149. Hey! It's Unca Donald and some rich girl! 150. We can rescue them! 151. All we need is lots of rope and a strong line! 152. I'll find the stuff and meet you kids at Pinnacle Rock! Hurry!



153. Lát sau...

154. Chúng tôi sẽ phải bỏ cuộc, các bạn! Không có cách nào để cứu hai người đó trong khi cơn bão này đang hoành hành!

155. Và sau khi cơn bão đã tan, thì đã quá muộn!

156. Than ôi!

157. Các ông đã thử dùng một cái phao cứu hộ chưa?



158. Thằng bé ngốc nghếch! Không một khẩu súng nào có thể phóng một sợi dây lên cao thế kia được!

159. Tụi cháu chẳng cần đến một khẩu súng!

153. Soon! 154. We will have to give up, men! There is no way to save that pair while this storm is raging! 155. And after the storm is over, it will be too late! 156. Alas! 157. Have you tried a breeches buoy? 158. Foolish child! No gun can shoot a line that high! 159. We don't need a gun!



160. Tớ đã cột dây xong rồi!

161. OK! Hãy cho nổ động cơ ngay sau khi tớ nhắm hướng cho bộ điều chỉnh!

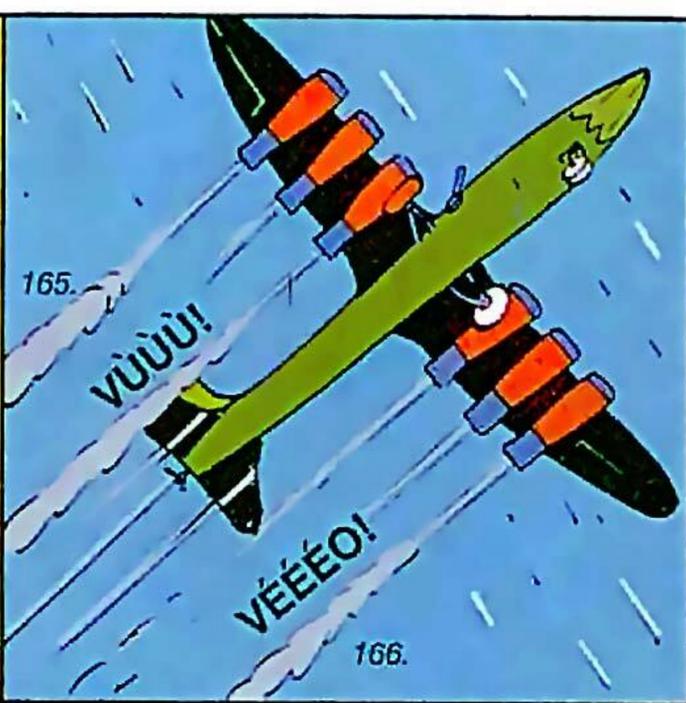


162. Hô! Hô! Hô! Cái đồ chơi lố bịch đó sẽ bị thổi bay khỏi hướng đi của nó trước khi nó bay được nửa đường đến đỉnh Núi đá nhọn!

163. Nó sẽ bay thẳng một lèo đến đỉnh Núi đá nhọn trước khi gió biết rằng có nó ở đây!

160. I have the line tied! 161. Okay! Start the motors as soon as I aim the controls! 162. Haw! Haw! Haw! That ridiculous toy will be blown off its course before it gets halfway to the pinnacle! 163. It'll be all the way to the pinnacle before the wind knows it's around!

164. Thăng như một mũi tên, và nhanh như đường bay sao chổi, "cái đồ chơi lò bịch" phóng vút tới mục tiêu của nó!



167. Và giao sợi dây rêu rất vào đôi bàn tay háo hức của chú Donald!



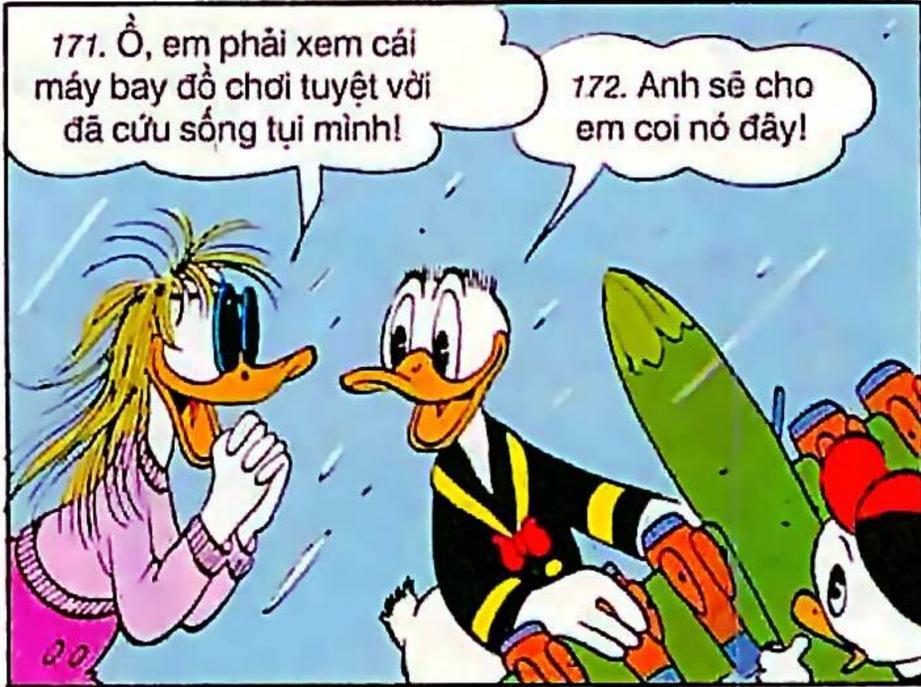
168. Nếu anh không lầm thì đó là một trong những máy bay phản lực của tụi nhóc! Mặt anh có đỏ không vậy?

164. Straight as an arrow, and swift as the flight of comet, the "ridiculous toy" streaks toward it's target! 165. ZOOM! 166. ZAZZ! 167. And delivers the singing cord into the eager hands of Uncle Donald! 168. If I'm not mistaken, that's one of the kids' jet planes! Is my face red?



169. Ô! Em cảm thấy ngớ ngẩn quá! Hí hí!

170. Một cuộc cứu hộ tuyệt hảo, và tất cả là nhờ ở thiên tài của những chú vịt nhỏ bé thông minh này!



171. Ô, em phải xem cái máy bay đồ chơi tuyệt vời đã cứu sống tụi mình!

172. Anh sẽ cho em coi nó đây!

169. Oh, I feel so silly! Tee hee! 170. A perfect rescue, and you owe it all to the genius of these smart little ducks! 171. Oh, I must see the wonderful toy plane that saved us! 172. I'll show it to you!



173. Cẩn thận, chú Donald!

174. Đừng đụng vào...

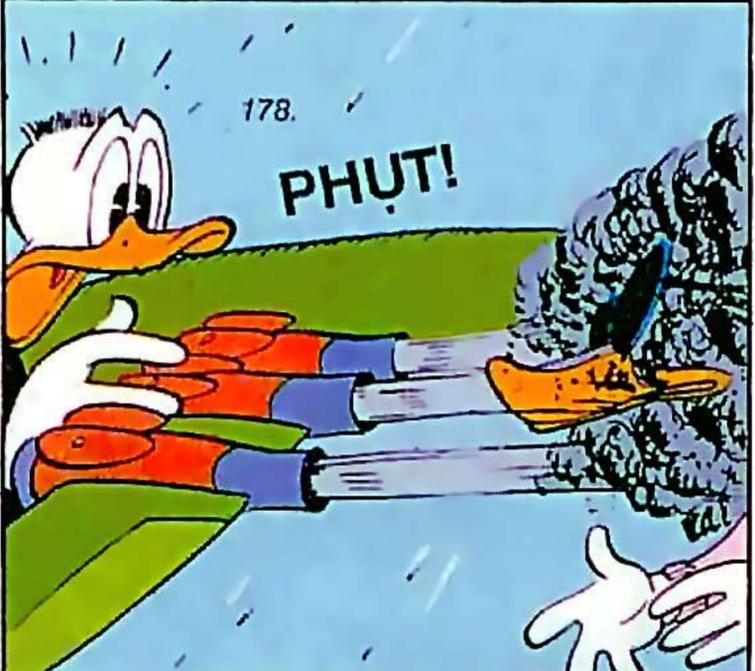
175. ...bất cứ cái cần nào!

176. Anh cho là khí đốt, hoặc bất kể là thứ gì đó, đi vô đây! Nó loay hoay ở trong này và...



177. ...có lẽ là ra ngoài ở chỗ này!

173. Be careful, Unca Donald! 174. Don't touch... 175. ...any levers! 176. The gas, or whatever it is, goes in here I guess! It fozzles around in here and... 177. ...probably comes out here!



178. PHỤT!



179. Đừng, cô nương! Hãy thông cảm!

180. Có điều gì đó mách bảo tớ rằng nếu tụi mình muốn làm cho chú Donald tha thứ về vụ mua những động cơ phản lực đó thì tụi mình sẽ phải bắt đầu làm lại từ đầu!

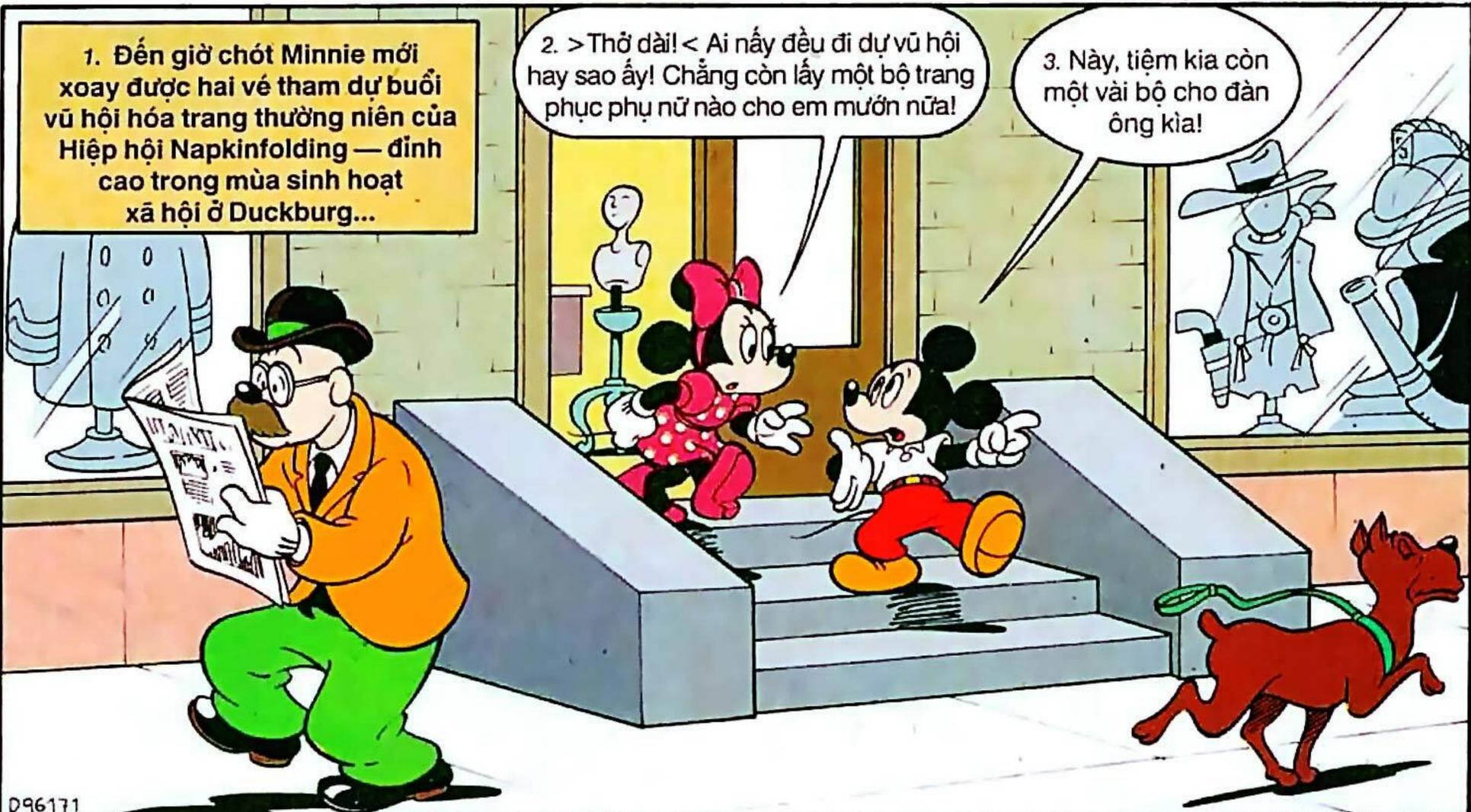
178. FWOOSH! 179. Nix, lady! Have a heart! 180. Something tells me that if we're going to make Unca Donald forgive us for buying those jet motors, we're going to have to start all over again!



CHUỘT MICKEY

Tiểu vương "Thùng nước lèo"

Người dịch : NGUYỄN TƯỜNG MINH



1. Đến giờ chót Minnie mới xoay được hai vé tham dự buổi vũ hội hóa trang thường niên của Hiệp hội Napkinfolding — đỉnh cao trong mùa sinh hoạt xã hội ở Duckburg...

2. >Thở dài! < Ai nấy đều đi dự vũ hội hay sao ấy! Chẳng còn lấy một bộ trang phục phụ nữ nào cho em mượn nữa!

3. Này, tiệm kia còn một vài bộ cho đàn ông kìa!

096171
1. At the very last minute Minnie has come up with two tickets for the highlight of the Duckburg social season — the Napkinfolding Society's annual masquerade ball — 2. >Sigh! < Everybody must be going to the Ball! There isn't a single good woman's costume left that I can rent! 3. Well, that shop had one or two nice men's costumes!



4. Em nghĩ tụi mình nên phục trang thành một đôi! Hồng chừng cái tiệm ở hẻm Park có cái gì chẳng?

5. Được thôi, nhưng anh có chút việc phải làm đây! Một giờ nữa gặp lại nhau ở chỗ này nhé!



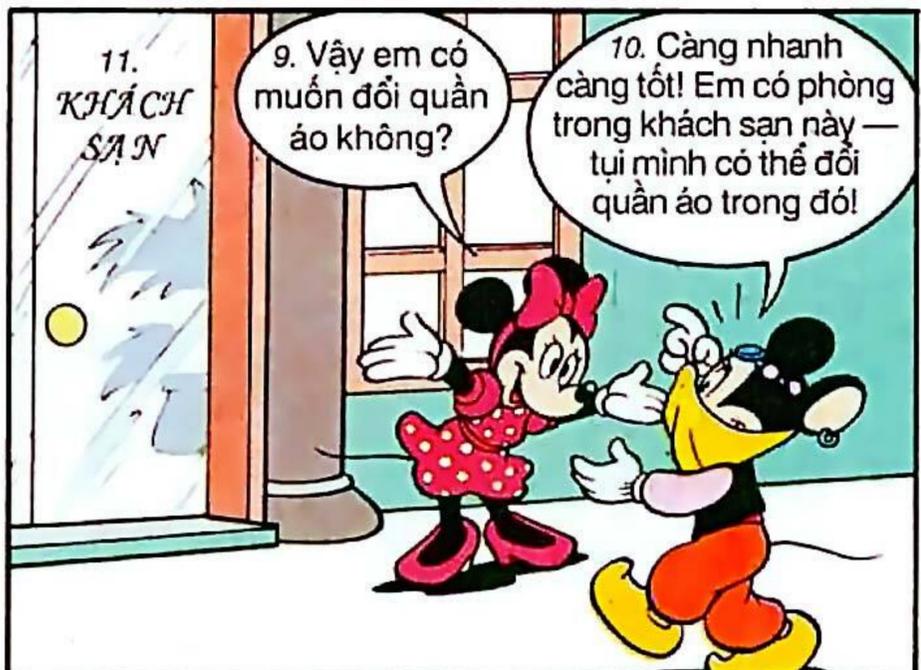
6. Chà! Cô nàng kia kiếm được một bộ trang phục tuyệt quá!

4. I think we should go dressed as a couple! Maybe the shop on Park Lane has something? 5. All right, but I have an errand to run! Let's meet back here in an hour! 6. My! That girl certainly found herself a wonderful costume!



7. Cô cũng đi dự vũ hội hóa trang phải không? Trông cô đẹp quá!

8. Chị nói bộ quần áo của em hả? Em lúc nào cũng ăn mặc thế này — mà em thích được ăn mặc như chị biết bao!

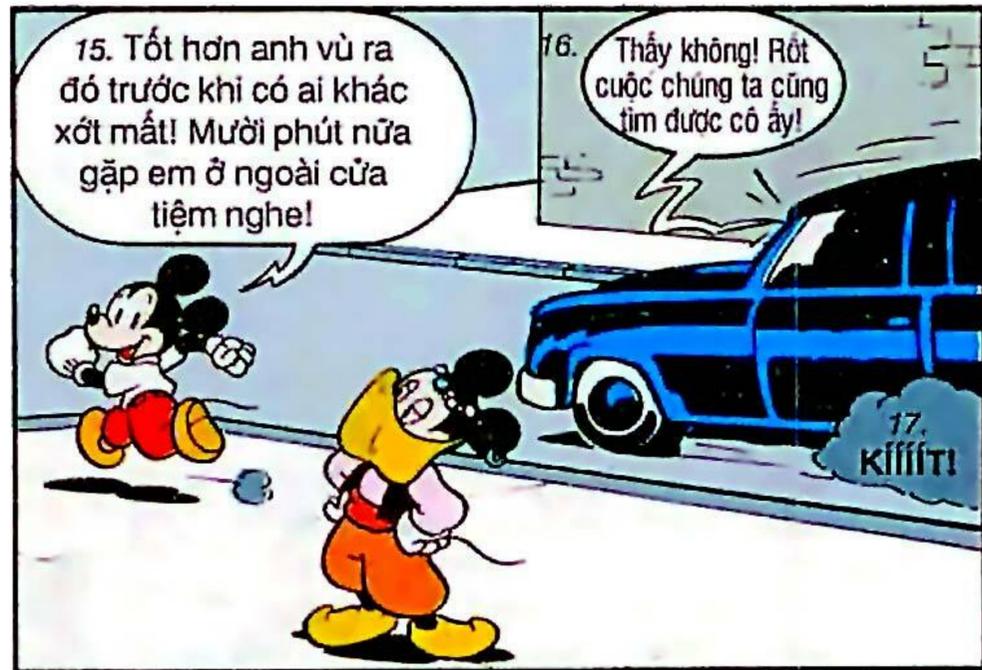


11. KHÁCH SẠN

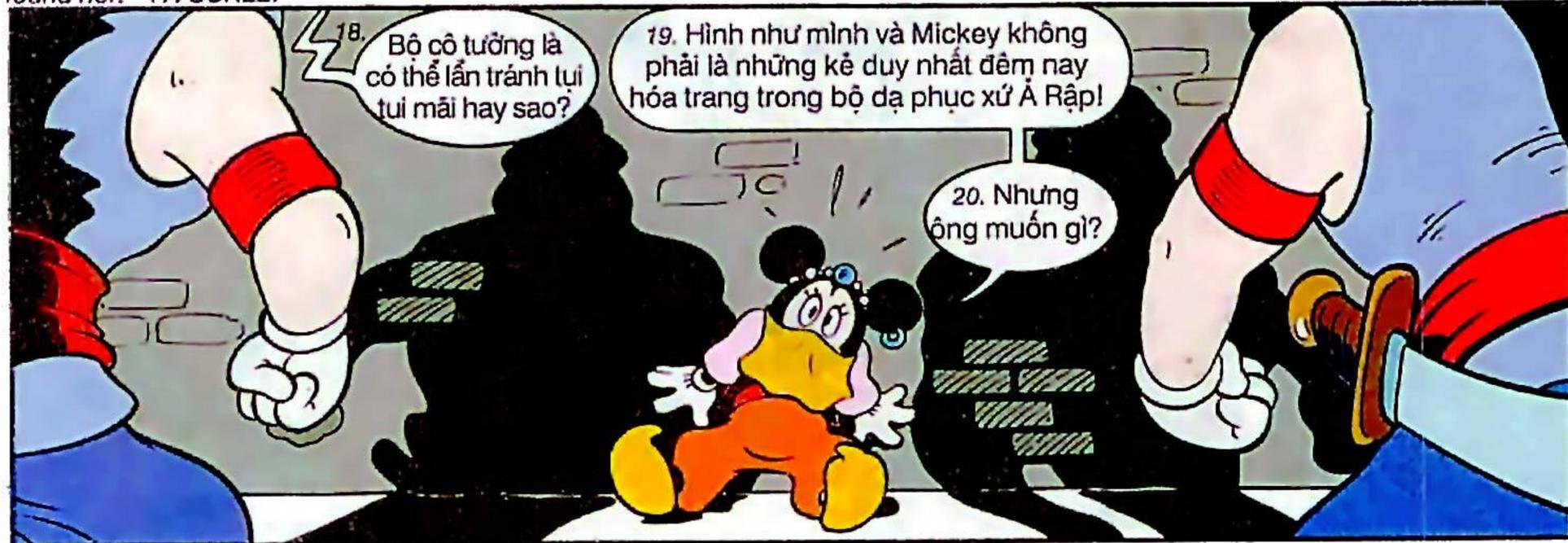
9. Vậy em có muốn đổi quần áo không?

10. Càng nhanh càng tốt! Em có phòng trong khách sạn này — tụi mình có thể đổi quần áo trong đó!

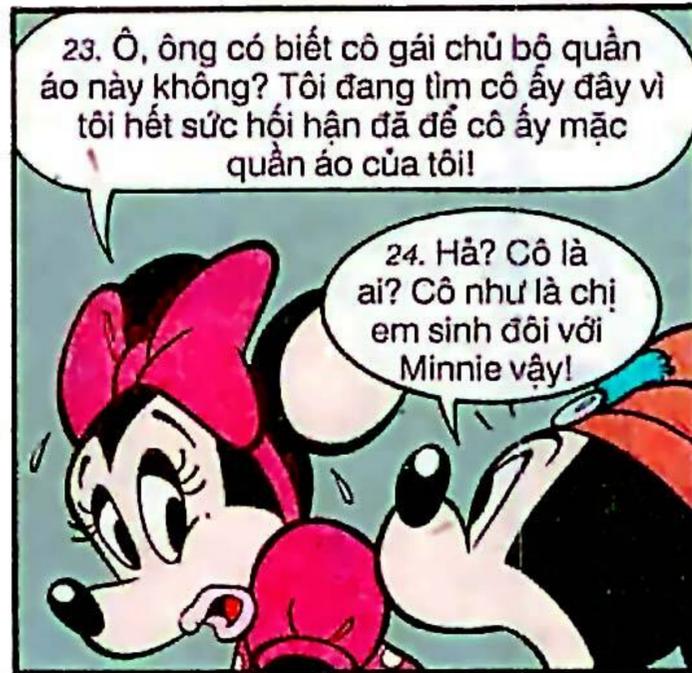
7. Are you going to the masquerade ball, too? You look fantastic! 8. Are you referring to my clothing? This is how I always dress — but I would much rather be dressed like you! 9. Would you like to exchange clothes? 10. The sooner the better! I have a room in this hotel — we can change there! 11. HOTEL



12. Soon — 13. Gosh! You look swell, Minnie! 14. I was just lucky, that's all! And wasn't there a sheik's costume for rent back at that costume shop? 15. I'd better hurry before somebody else snaps it up! Meet me outside the shop in ten minutes! 16. See! At last we have found her! 17. SCREE!



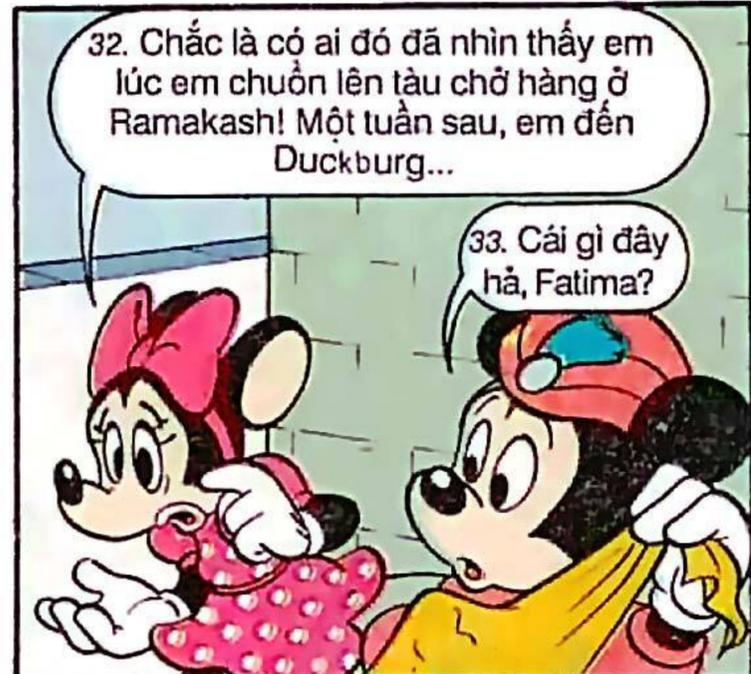
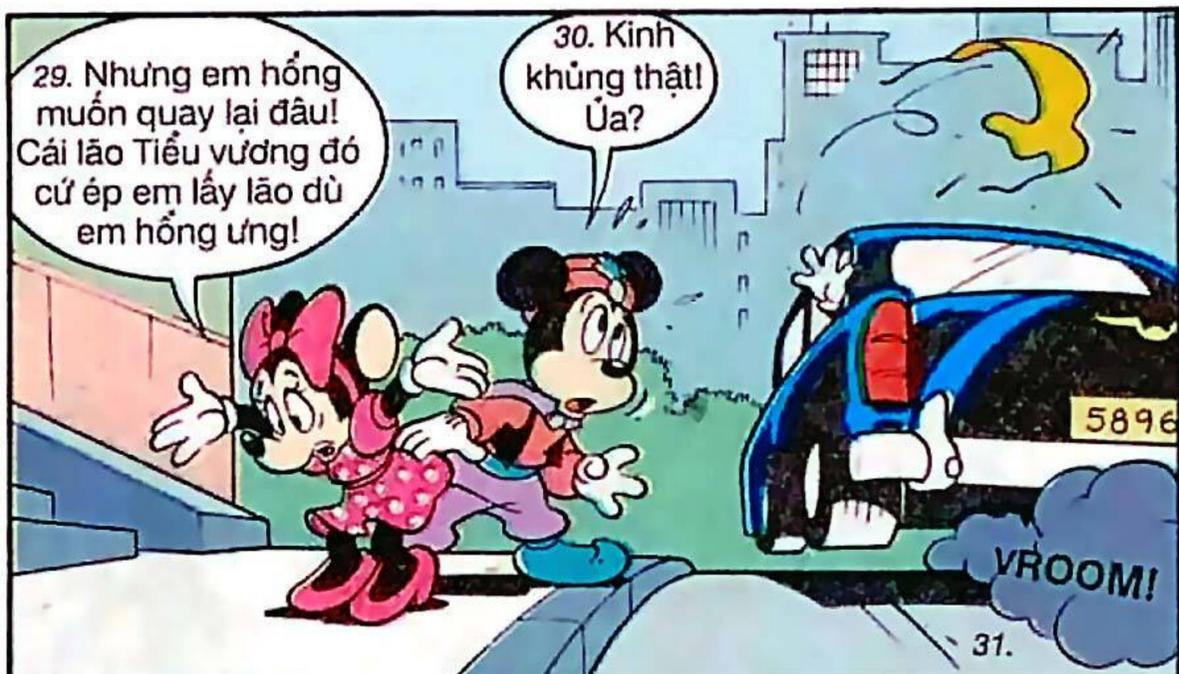
18. Did you think you could elude us forever? 19. It looks like Mickey and I won't be the only ones dressed in Arabian Nights costumes tonight! 20. But what do you want?



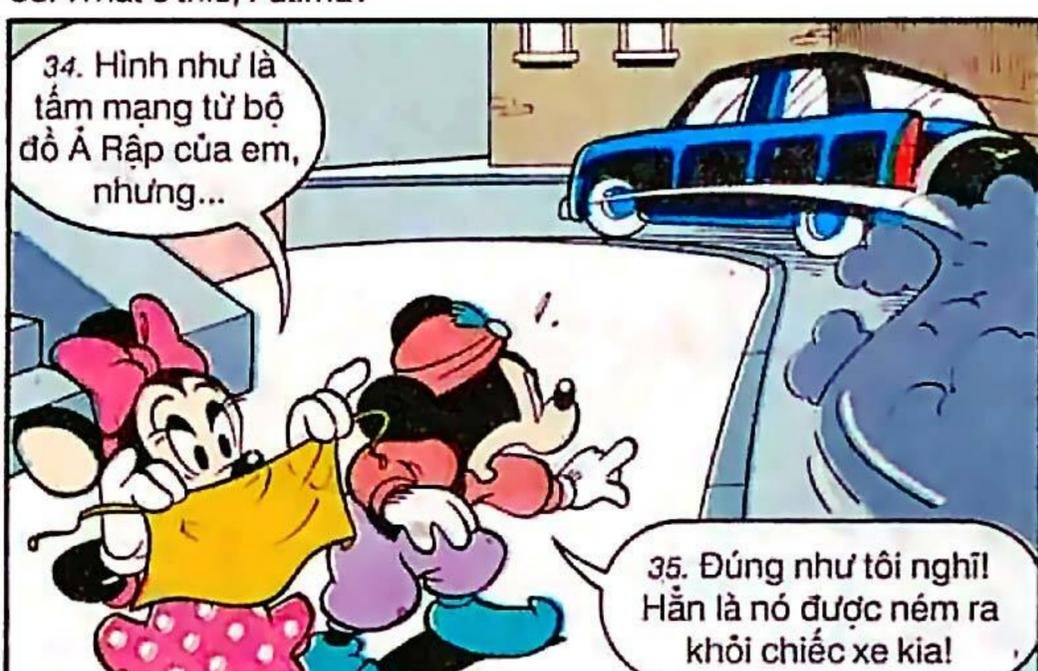
21. A few minutes later — 22. What do you think of my... hey! Why aren't you wearing your costume, Minnie? 23. Oh, do you know the girl who owns this dress? I am looking for her because I deeply regret that I let her put my clothes on! 24. Huh? Who are you? You could be Minnie's twin!



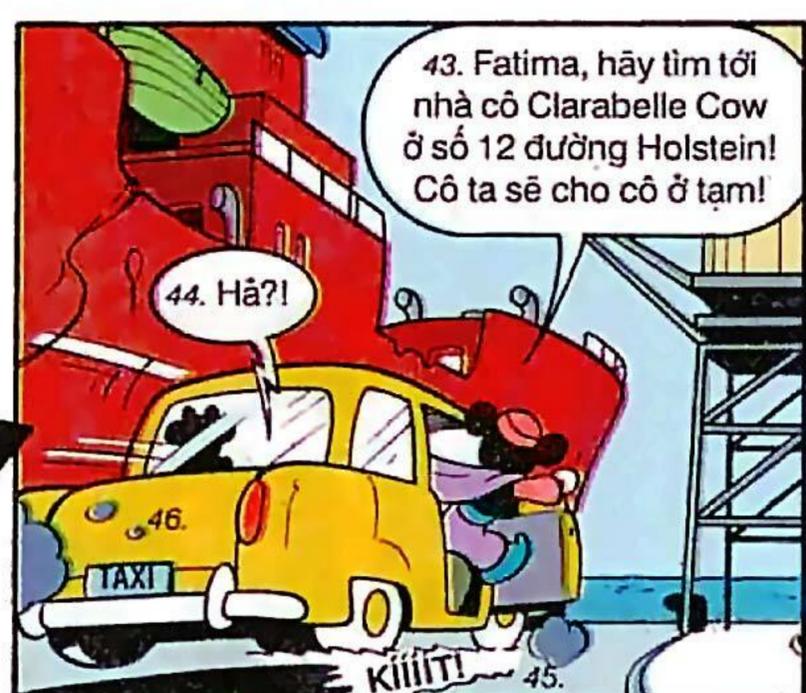
25. My name is Fatima, and I have run away from the repulsive Sheik Ali ben Glutto of Ramakash! But I am afraid that his men have tracked me here to Duckburg! 26. Then that means — they could mistake Minnie for you now that she's wearing your clothes! 27. I know it was a selfish thing to do, but when I had paid for my hotel room, I had no money left for new clothes! 28. There's Mickey and that girl! I've got to get their attention!



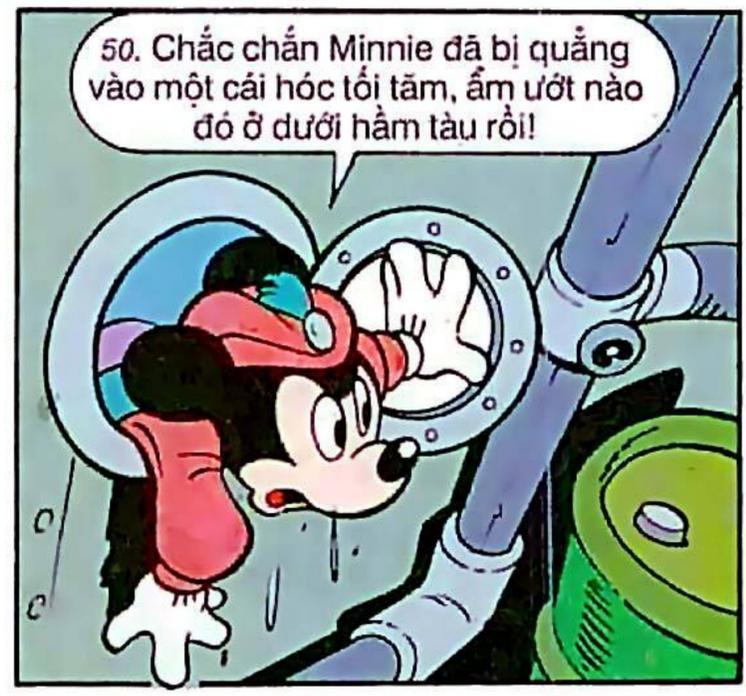
29. But I do not want to go back! The Sheik wishes to marry me against my will! 30. That's terrible! Huh? 31. WROOM!
32. Someone must have seen me when I stowed away on board a cargo ship in Ramakash! After a week, I arrived in Duckbu...
33. What's this, Fatima?



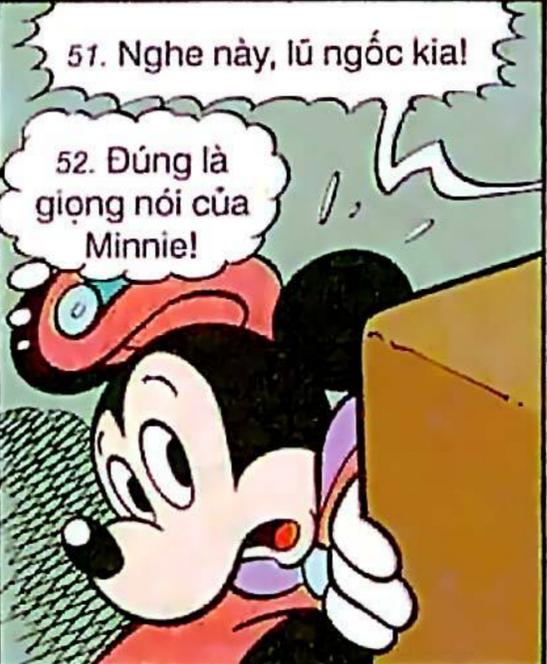
34. It looks like the veil from my Arabian clothes, but... 35. That's what I thought! It must have been thrown out of that car!
36. It's heading for the harbor, and I'm sure Minnie must be inside! Taxi! 37. Wait for me! 38. TAXI!



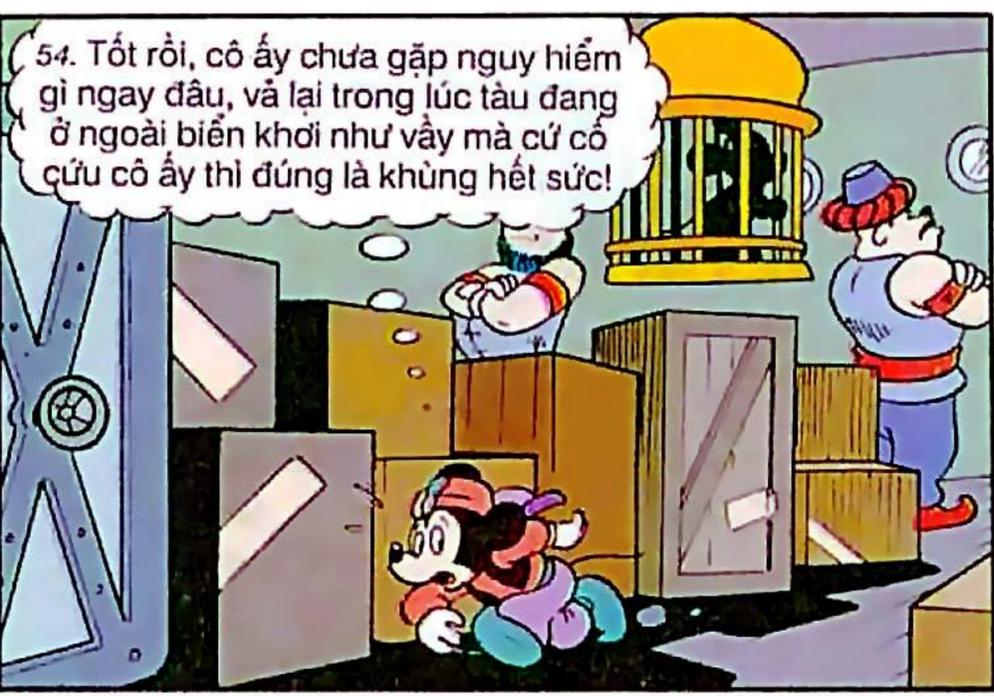
39. Soon — 40. That ship flies the flag of Ramakash! 41. And it's already sailing! Driver, head out on the pier! 42. TAXI!
43. Fatima, go see Clarabelle Cow at 12 Holstein Street! She'll give you a place to stay! 44. Eh?! 45. SCREECH! 46. TAXI!
47. Just hold tight until I get back! And I'm not coming back without Minnie!



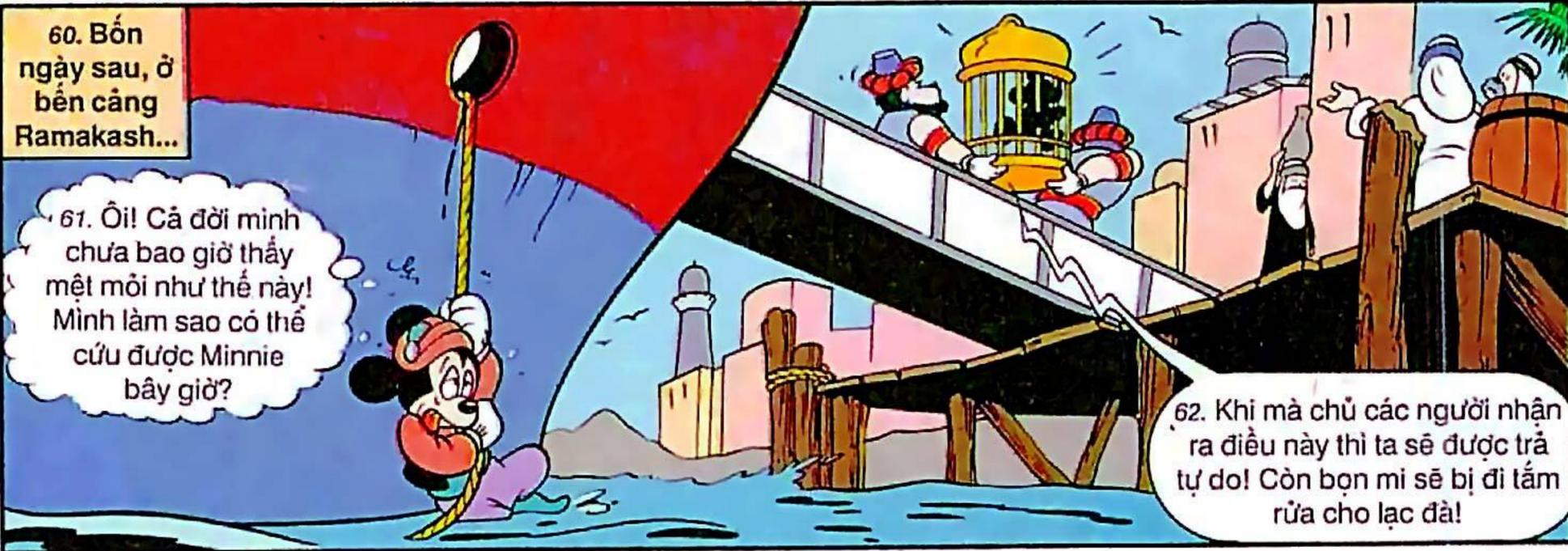
48. SPLASH! 49. It's a good thing they left this rope hanging over the side! And that porthole's in just the right place! 50. Minnie's probably been thrown into some dark, dank hold at the bottom of the ship!



51. Listen, you dummies! 52. That's Minnie's voice! 53. How many times do I have to tell you?! You grabbed the wrong girl!



54. Well, she's not in any immediate danger, and it would be crazy to try rescuing her while the ship's out at sea! 55. I'd better hide until we reach Ramakash, and then make my move! At least I won't starve! 56. MARSHMALLOWS 57. MARSHMALLOWS 58. MARSHMALLOWS 59. MARSHMALLOWS



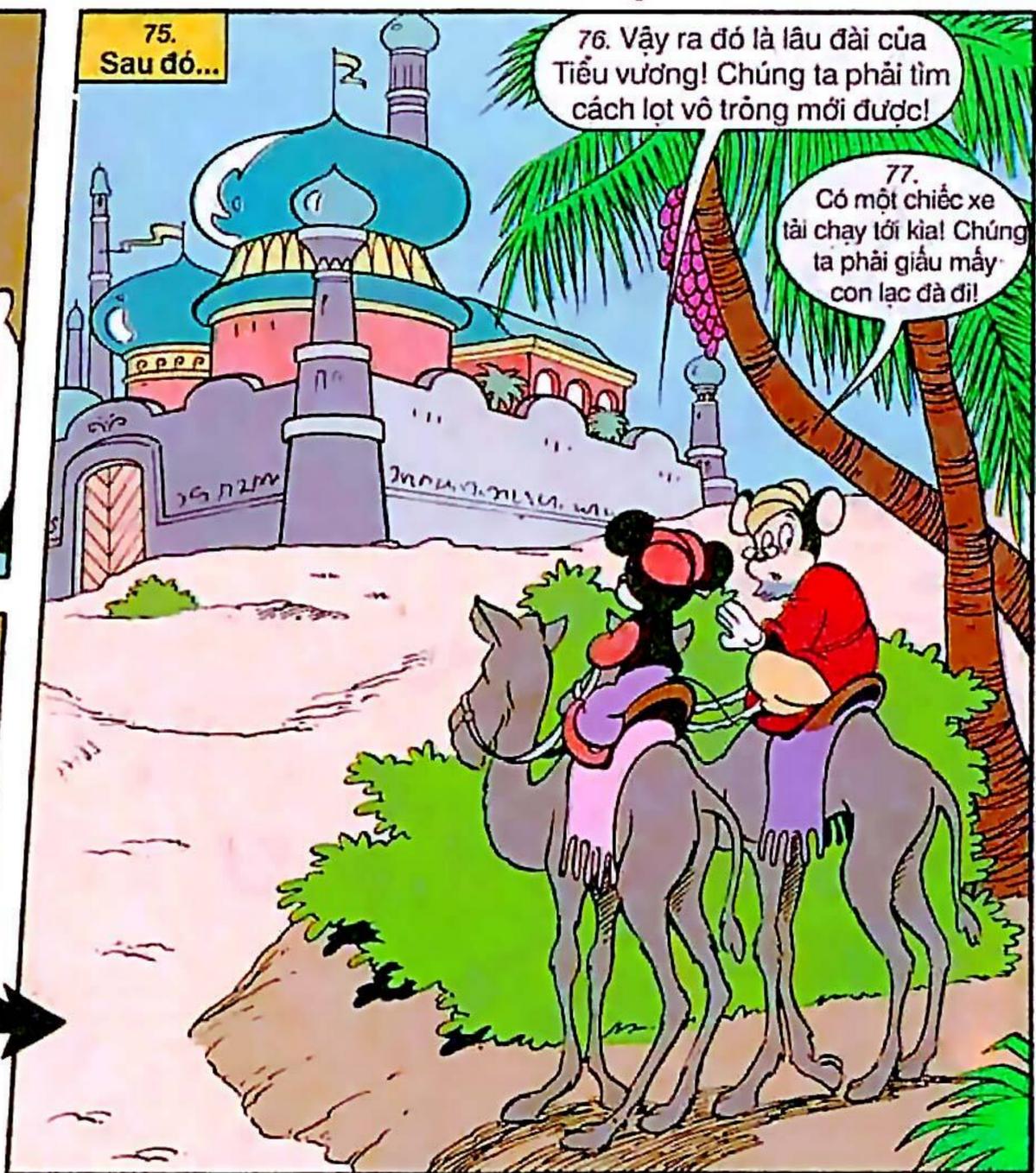
60. Bốn ngày sau, ở bên cảng Ramakash... 61. Ôi! Cả đời mình chưa bao giờ thấy mệt mỏi như thế này! Mình làm sao có thể cứu được Minnie bây giờ? 62. Khi mà chủ các người nhận ra điều này thì ta sẽ được trả tự do! Còn bọn mi sẽ bị đi tắm rửa cho lạc đà!



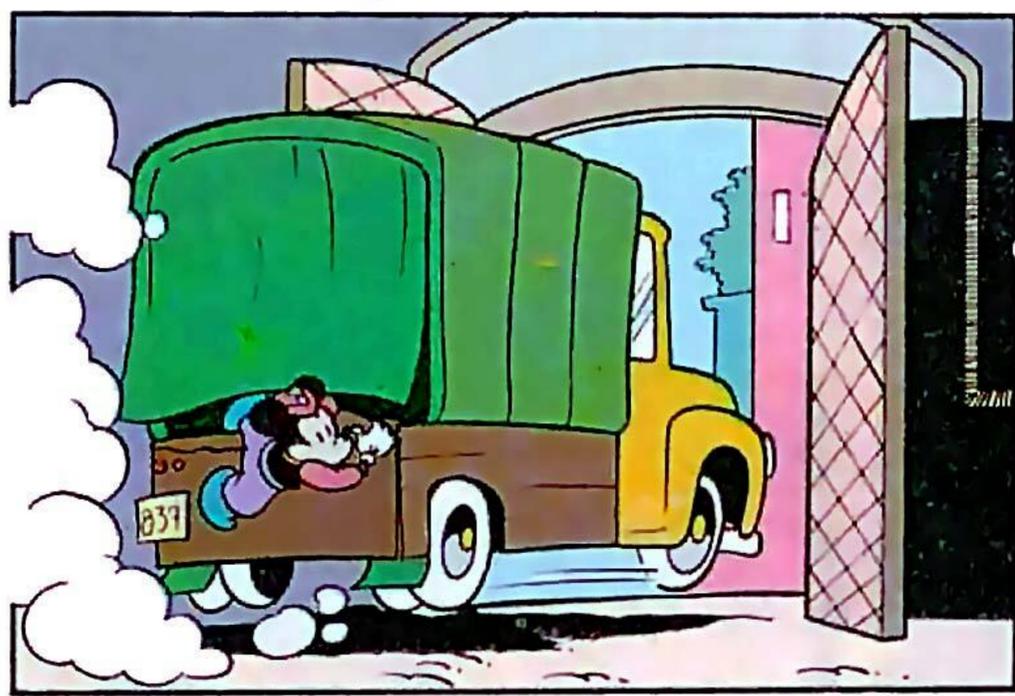
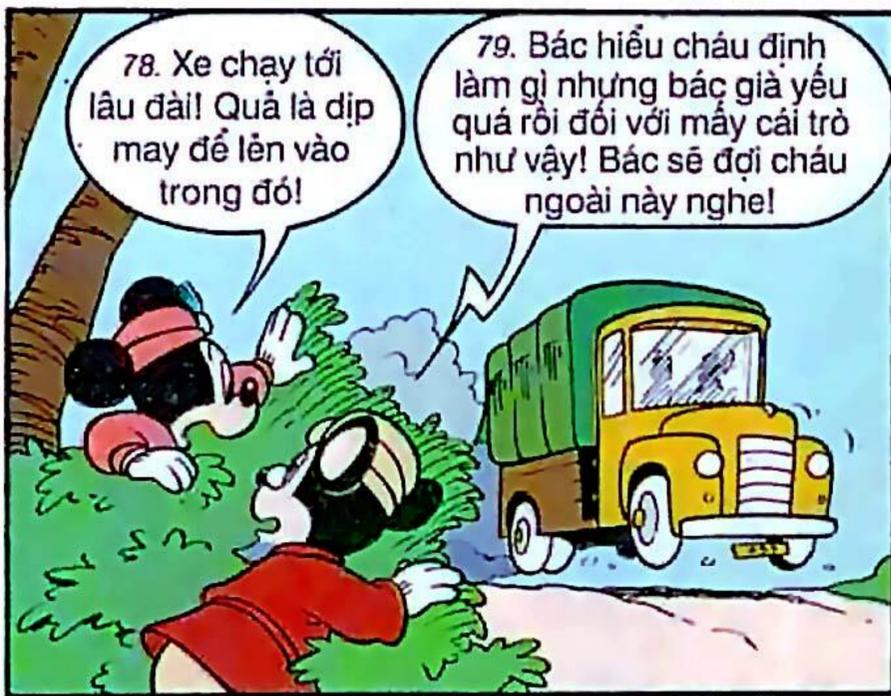
63. Oh, my stomach! 64. Oh dear! That young man needs help! 65. A couple of hours later, in the old man's house — 66. Carob, fig juice, and healing herbs, washed down with mint tea — my own special medicine will cure almost any stomach ache! 67. I feel much better already!



68. I had no idea that living on nothing but marshmallows for four days would make me this sick! 69. Even though you wear an Arab's clothes, you are not from Ramakash! What brings you here, stranger? 70. Mickey tells his story, and they discover a remarkable coincidence — 71. Why, Fatima is my daughter! I am so glad she is safe in Duckburg!



72. That cruel Sheik kidnapped my Fatima because I dared criticize the tyrannical way he rules the country! 73. And now he's got Minnie! 74. I don't have time to be sick any more! Get me a camel! 75. Soon — 76. So that's the Sheik's palace! We've got to find a way inside! 77. A truck comes! We must hide the camels!



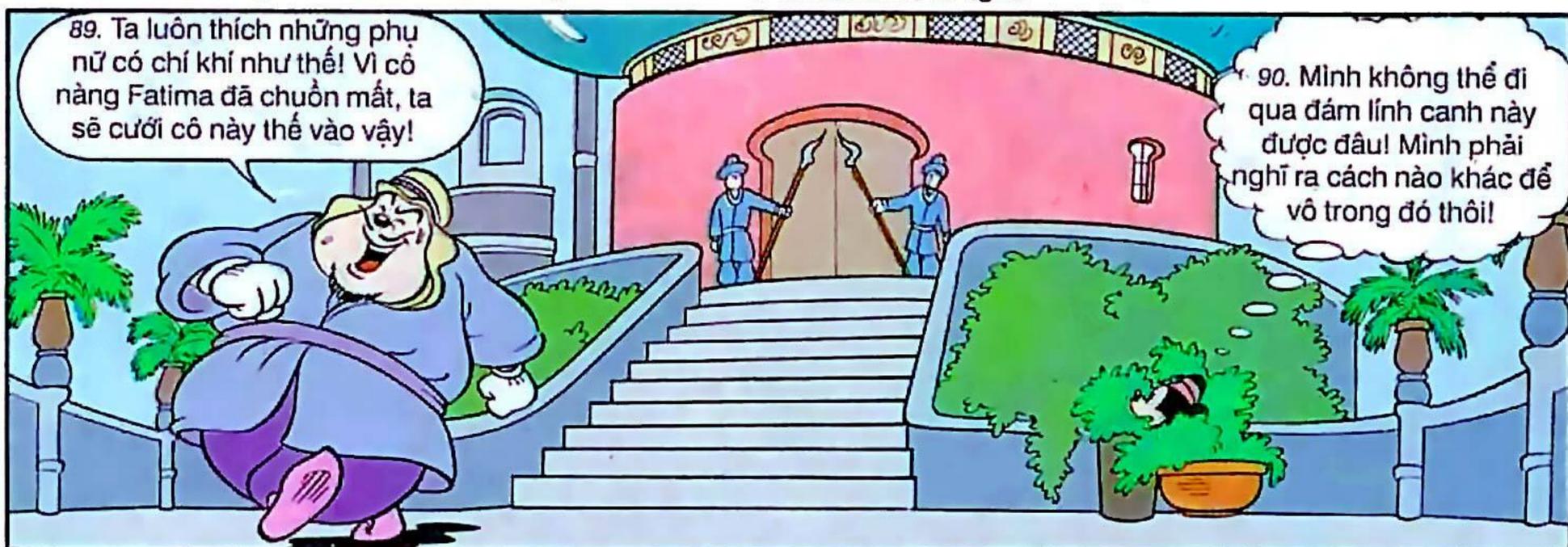
78. It's going to the palace! This is my chance to sneak in! 79. I understand what you are planning, but I am too old for such things! I shall wait out here!



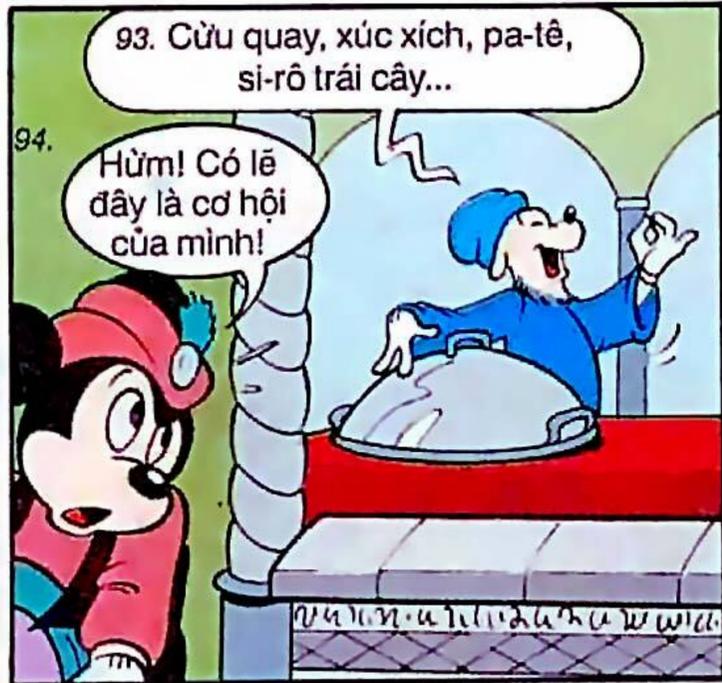
80. That must be the Sheik! 81. I was told you bring me something good from Duckburg! What is it? 82. They are called marshmallows, your highness! We bought four tons, very cheap! 83. Mmm! Delicious! From now on, they shall be my favorite snack!



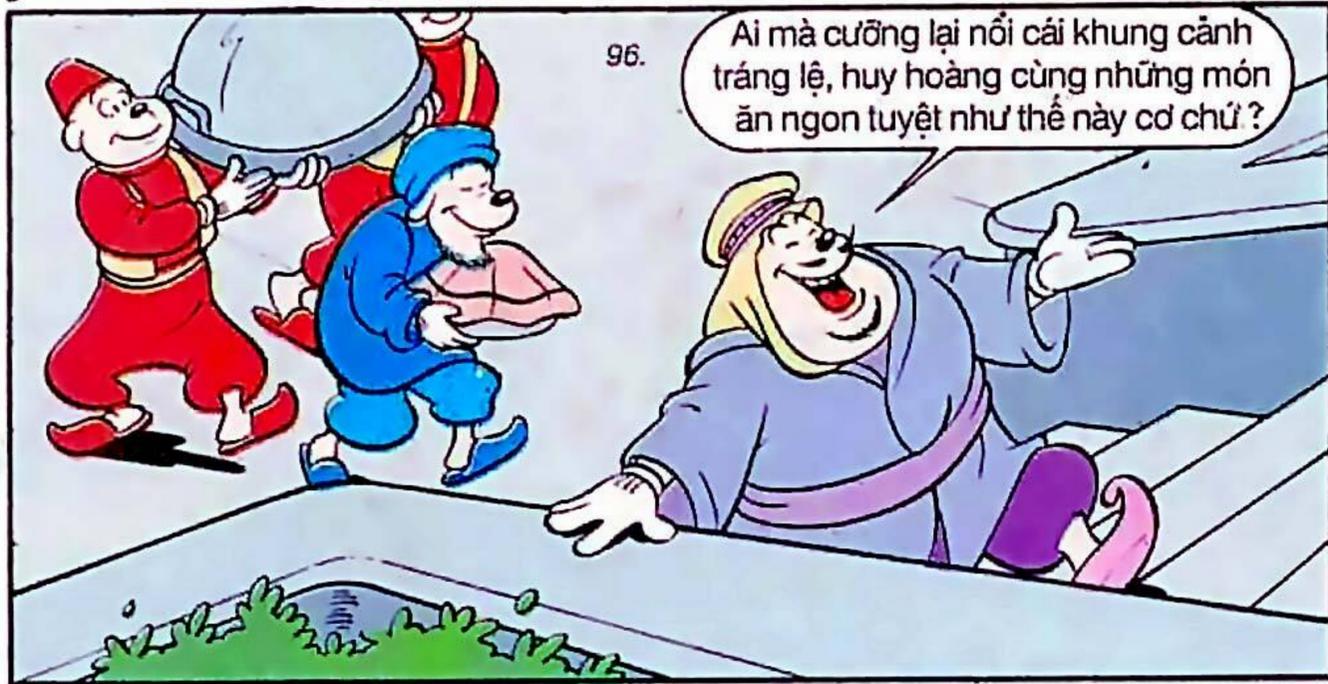
84. Perhaps these delightful treats will soften that scold those idiots brought me instead of Fatima! 85. But — 86. I don't want your marshmallows, you overstuffed windbag!! 87. Ow! 88. That's Minnie, all right!



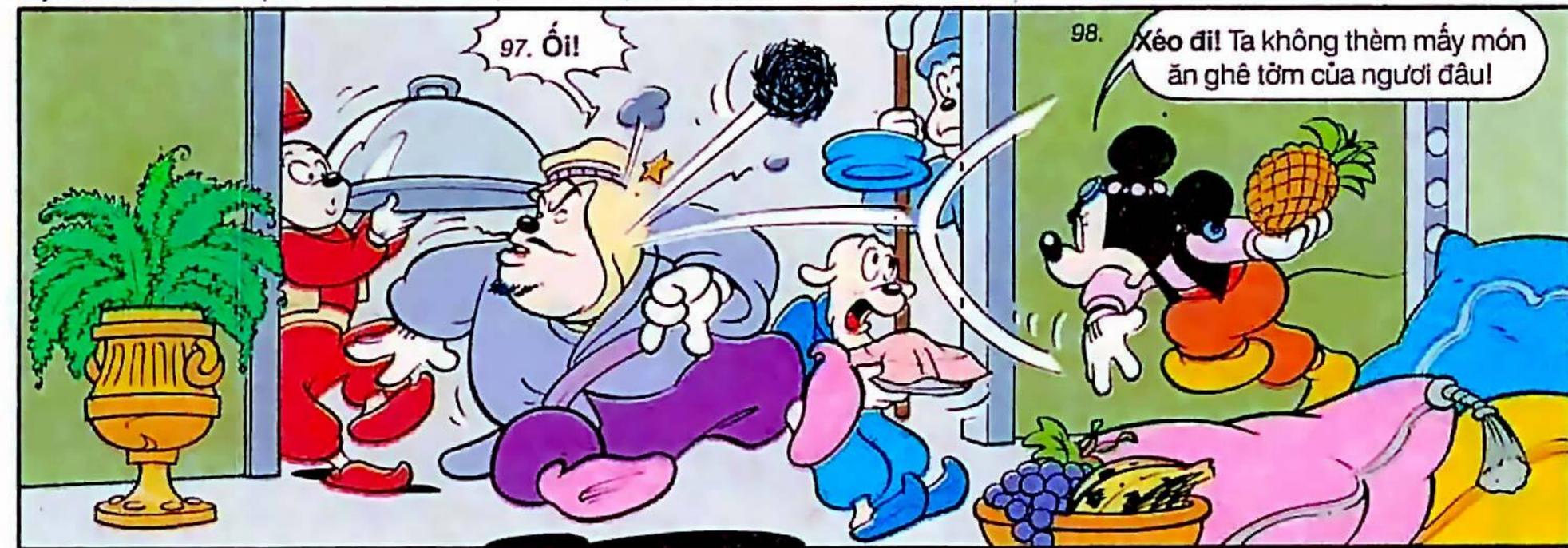
89. I always did like women with spirit! Since Fatima got away, I shall marry this one instead! 90. I can't just walk past those guards! I'll have to think of some other way to get in!



91. Ah, is that my dinner whose mouth-watering odors waft so delightfully to my royal nostrils? 92. Not yet, your Highness! As you commanded, we are preparing a fabulous feast for the new girl! 93. Roast lamb, sausages, pates, fruit in syrup... 94. Hmm! This might be my chance!



95. It sounds splendid, but that girl is not easy to please! Perhaps I should present this feast to her personally! 96. How can anyone resist such splendor, such luxury, such exquisite food?



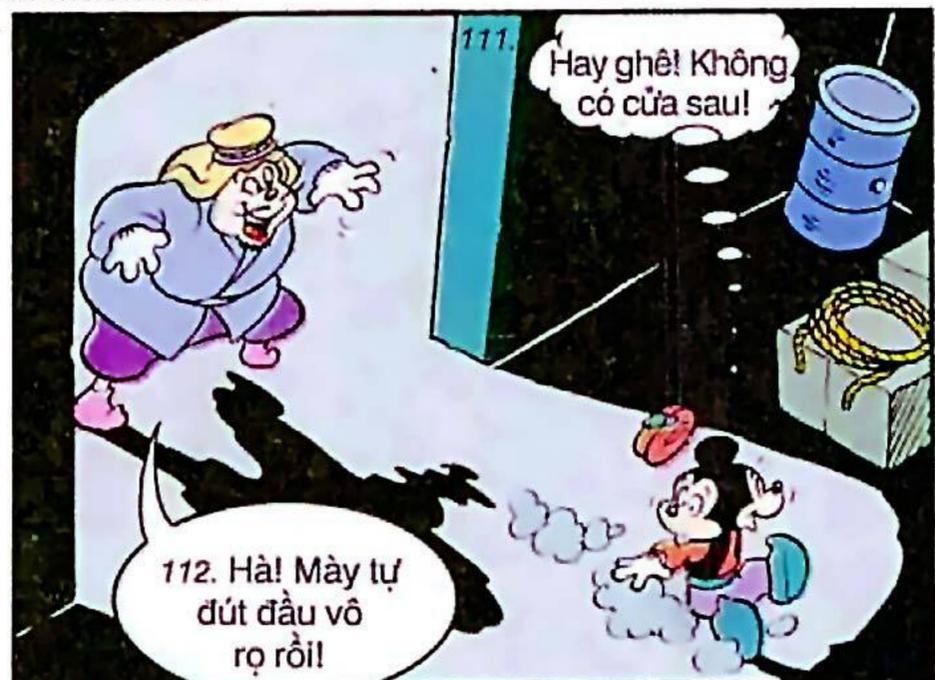
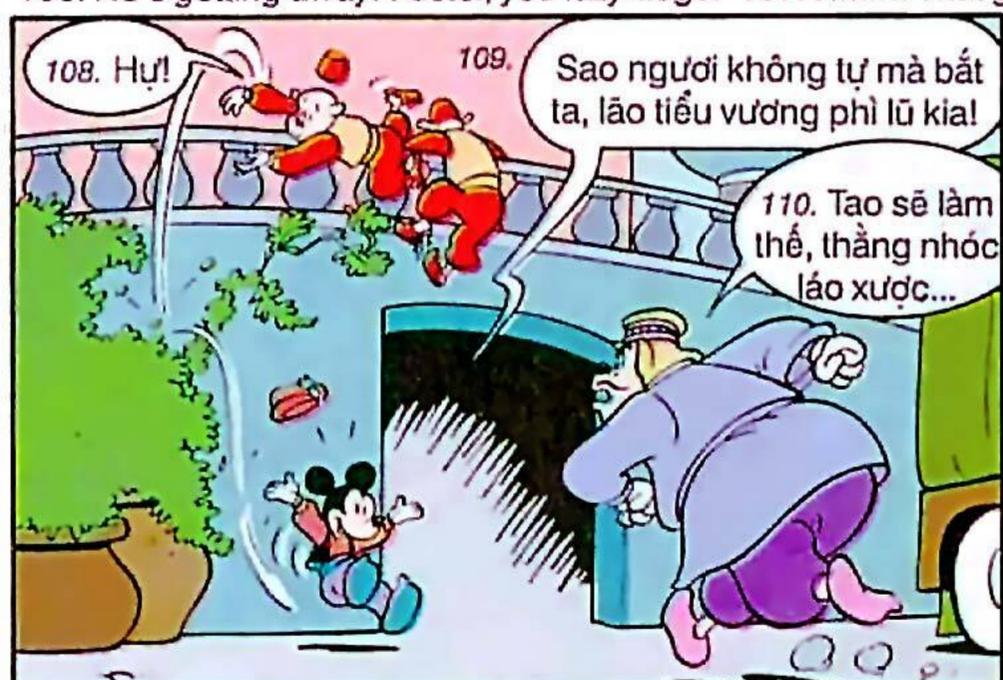
97. Ouch! 98. Get out! I don't want your disgusting food!



99. Very well! Let her starve! Perhaps the pangs of hunger will change her attitude! Bring this food to my chambers! No need to let it go to waste! 100. Uh oh! 101. I'd better scam! 102. What?! Who's that?



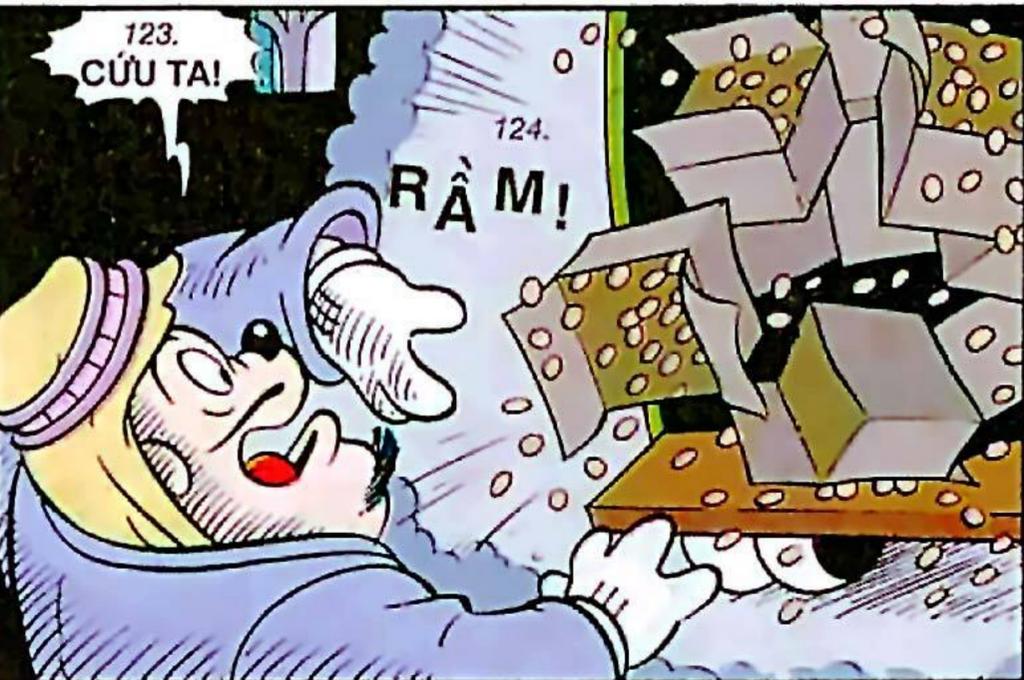
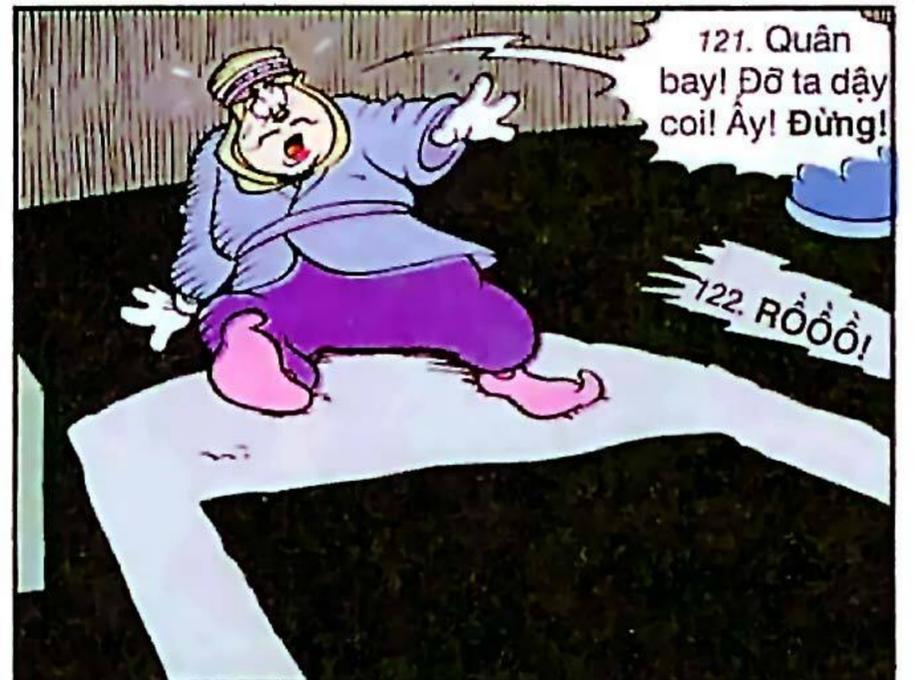
103. No time to think of a plan now! I'd better improvise something fast! 104. An intruder! Seize him! 105. Puff! Pant! 106. He's getting away! Faster, you lazy dogs! 107. Hmm! That gives me an idea!



108. Huh! 109. Why don't you catch me yourself, you royal lardbucket? 110. That I shall, you impudent little... 111. Perfect! No back door! 112. Ha! You have trapped yourself in there!



113. Got you! Oof! 114. You'll have to be faster than that, Chubby! Let me just borrow this rope... 115. THUD! 116. What luck! They left the key in the ignition! 117. MARSHMALLOWS 118. MARSHMALLOWS 119. MARSHMALLOWS 120. MARSHMALLOWS



121. Servants! Help me up! Hey! No! 122. WHROOM! 123. HELP! 124. CRASH!



125. Sao lại xảy ra vậy được?

Đại vương khả kính, khả ái của chúng ta đuổi theo một tên ngoại giáo tồi tệ, nhưng giờ thì gã nước ngoài chết tiệt đó biến đâu mất tiêu!

126.

127. Cứu ta! Đưa ta ra khỏi chỗ này, lũ đần kia!



128. Đã quá giờ ăn tối mất rồi! Nếu không sớm thoát khỏi chỗ này ta sẽ chết đói mất!

129. Ố ồ! Chìa khóa đâu mất rồi!

125. How did this happen? 126. Our beloved sovereign was chasing a vile infidel, but now the accursed foreigner has disappeared! 127. Help! Get me out of here, you dolts! 128. It's already past dinnertime! If I don't get out of here soon, I'll starve! 129. Uh oh! The key is gone!



130. Mickey! Em biết thế nào anh cũng đến cứu em mà!

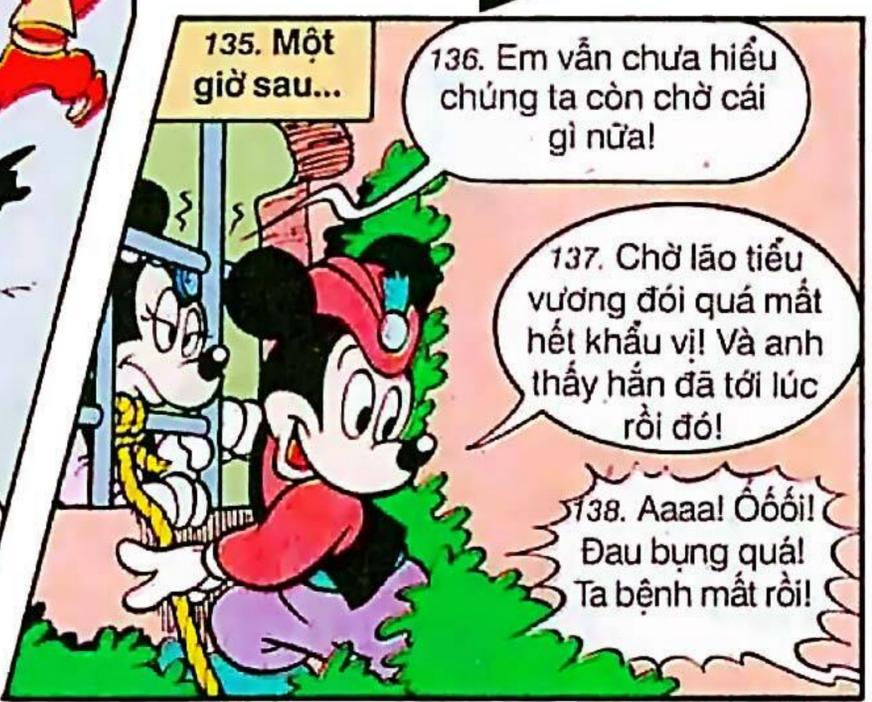
131. Chờ một chút nha, Minnie! Chút xíu nữa mới xong!

132. Nếu tụi mình mà không tìm ra chìa khóa thế nào Tiểu vương cũng tống tụi mình ra mấy cái mỏ muối mất thôi!



133. Chút xíu nữa hà?! Em không muốn ở thêm trong cái nơi khủng khiếp này dù chỉ một phút!

134. Rất tiếc, nhưng không có cách nào khác! Kiên nhẫn một chút đi em!



135. Một giờ sau...

136. Em vẫn chưa hiểu chúng ta còn chờ cái gì nữa!

137. Chờ lão tiểu vương đói quá mất hết khẩu vị! Và anh thấy hần đã tới lúc rồi đó!

138. Aaaa! Ốóóó! Đau bụng quá! Ta bệnh mất rồi!

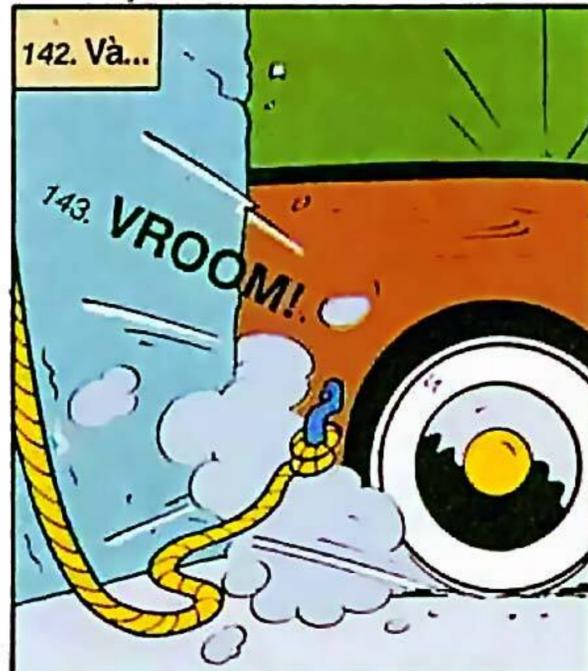
130. Mickey! I knew you would come to rescue me! 131. Hang on, Minnie! This is going to take a while! 132. If we do not find that key, the Sheik will send us to the salt mines! 133. Take a while? I don't want to spend another minute in this horrible place! 134. Sorry, but it can't be helped! Just be patient! 135. An hour later — 136. I still don't understand what we're waiting for! 137. For the hungry Sheik to lose his appetite! And I think he has! 138. Aarrgh! Ohh! My stomach! I'm sick!



139. Ủi da! Ủi chào!

140. Cái chìa khóa! Từ trên trời rơi xuống!

141. KENG!



142. Và...

143. VROOM!



144. Trúng mãnh!

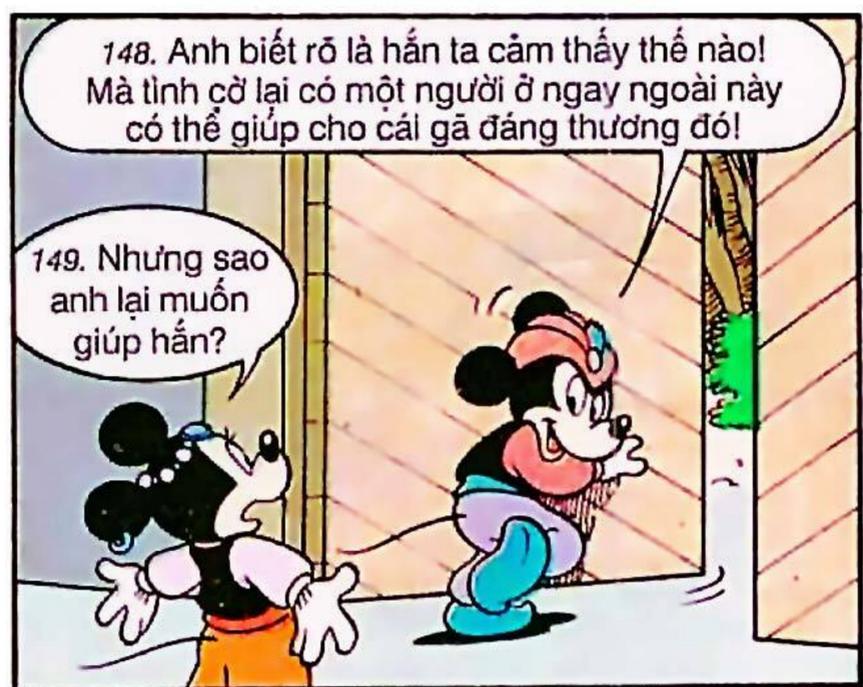
145. RẮC!

139. Groooan! Moooon! 140. The key! It fell from the sky! 141. Clink! 142. And — 143. VROOM! 144. Bingo! 145. CRACK!



146. Tiểu vương cực kỳ bất hạnh của chúng ta đang bị đau bụng!

147. Ta đói tới nỗi phải ăn cái thứ duy nhất mà ta tìm thấy trong đó - kẹo dẻo! Cả hàng trăm cái!



148. Anh biết rõ là hẳn ta cảm thấy thế nào! Mà tình cờ lại có một người ở ngay ngoài này có thể giúp cho cái gã đáng thương đó!

149. Nhưng sao anh lại muốn giúp hẳn?

146. Our most unfortunate Sheik has a stomachache! 147. I was so hungry that I had to eat the only thing I could find in there — marshmallows! Hundreds of them! 148. I know exactly how he feels! And it just so happens there's somebody just outside the palace who can help the poor guy! 149. But why do you want to help him?



Chặng mấy chốc...
150.

Ừa! Đó là cô gái ngoại quốc mà! Làm sao cô thoát ra được hả?

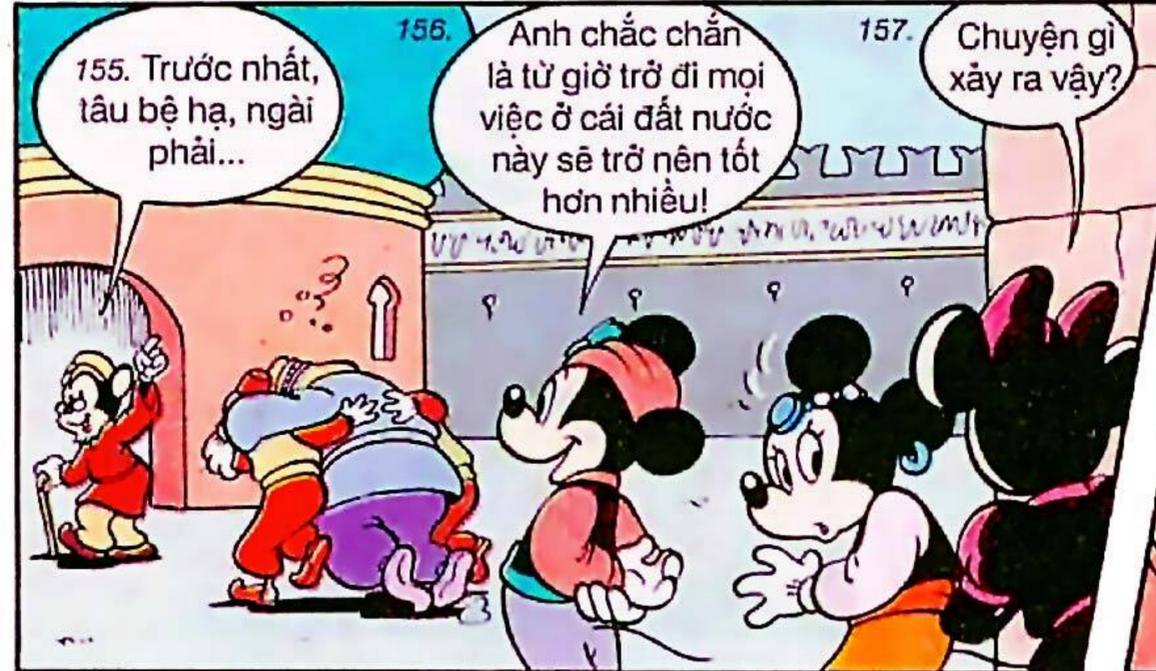
152. Tôi chắc chắn là ông biết bố của Fatima! Ông ta đến đây để thương lượng với ông đó!



153. Tôi có thể chữa bệnh cho ngài! Nhưng trước hết ngài phải chấp thuận tất cả mọi điều kiện của tôi!

154. Ta đâu còn cách nào khác! > Úi! < Bất cứ gì người nói!

150. Soon — 151. Urgh! It's that foreign girl! How did you escape? 152. I'm sure you know Fatima's father! He's here to make a deal with you! 153. I can cure you! But first you must agree to all of my terms! 154. I don't have a choice! > Urk! < Anything you say!



155. Trước nhất, tâu bệ hạ, ngài phải...

156. Anh chắc chắn là từ giờ trở đi mọi việc ở cái đất nước này sẽ trở nên tốt hơn nhiều!

157. Chuyện gì xảy ra vậy?



158. Fatima!

159. Em không đành lòng ngồi yên ở Duckburg trong khi Mickey cố gắng cứu chị, chị Minnie à, nên em đã mượn Clarabelle liền mua vé máy bay về đây!

155. First of all, your Highness, you must... 156. I'm sure things will be much better in this country from now on! 157. What is going on? 158. Fatima! 159. I could not just sit in Duckburg while Mickey tried to save you, Minnie, so I borrowed the money for an airplane ticket from your friend Clarabelle!



160. Nhưng bố em đang làm gì vậy?

161. Dàn xếp cái bao tử của Tiểu vương - cùng một vài việc khác nữa!

162. Trị chứng đau bụng của nhà vua chẳng có gì bằng trái carob và trà cúc La Mã!

163. Tin ta đi! Ta đang cố viết cho mau đây! Tuyên cáo số 18! "Không một người đàn ông nào được ép duyên một người phụ nữ, kể cả Tiểu vương!" Tuyên cáo số 19...

160. But what is my father doing? 161. Settling the Sheik's stomach — and a few other things! 162. There is nothing like carob and camomile tea for what ails you! 163. Please believe me! I am writing as fast as I can! Proclamation No. 18! "No man may marry a woman against her will, not even the Sheik!" Proclamation No. 19...

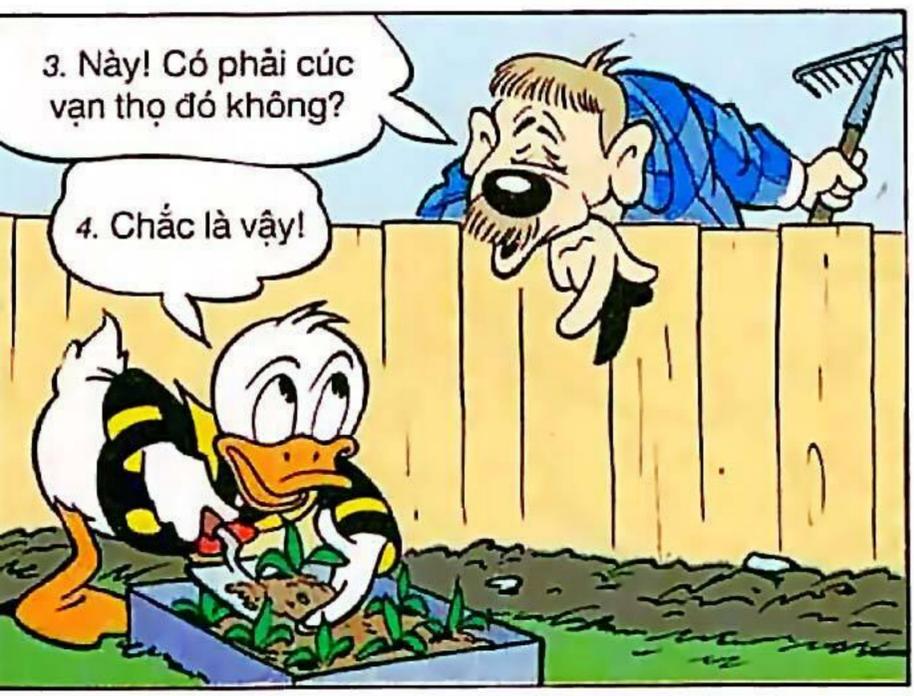
VỊT DONALD

Láng giềng tọc mạch

Người dịch : TRẦN TÂN MỸ



1. Hi, neighbour! Are you going to liven up the old fence? 2. Yep!



3. Say! Aren't those marigolds? 4. I guess so! 5. Here's a piece of neighbourly advice — when you plant marigold, it's always good to... 6. I think I know what to do, thank you!



7. But... my brother once forgot to water them regularly and after two weeks they... 8. Oh! I hope I didn't make you change your mind! 9. Actually you did!



10. B-but now we can't communicate, Mr. Duck! 11. Exactly!

TRUYENTRANHPHAPBI.COM

VỊT DONALD

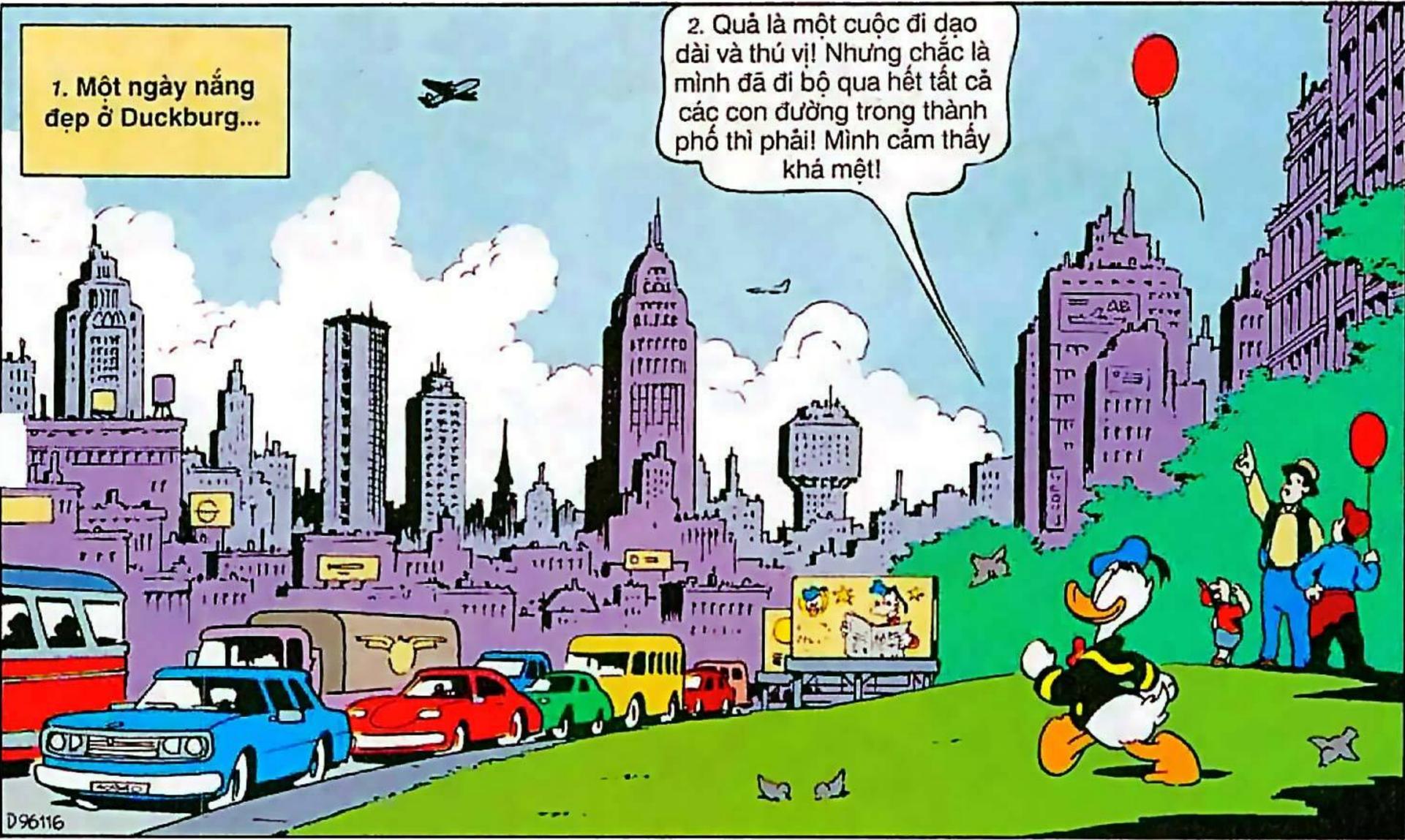
Ác mộng trên phố Duck

Người dịch : ĐÔNG QUỲNH



1. Một ngày nắng đẹp ở Duckburg...

2. Quả là một cuộc đi dạo dài và thú vị! Nhưng chắc là mình đã đi bộ qua hết tất cả các con đường trong thành phố thì phải! Mình cảm thấy khá mệt!



D96116

3. À, kia là xưởng của bác Gyro!

4. Mình nghĩ là mình sẽ tạt vào thăm bác ấy và có thể sẽ được nghỉ xả hơi một tí!

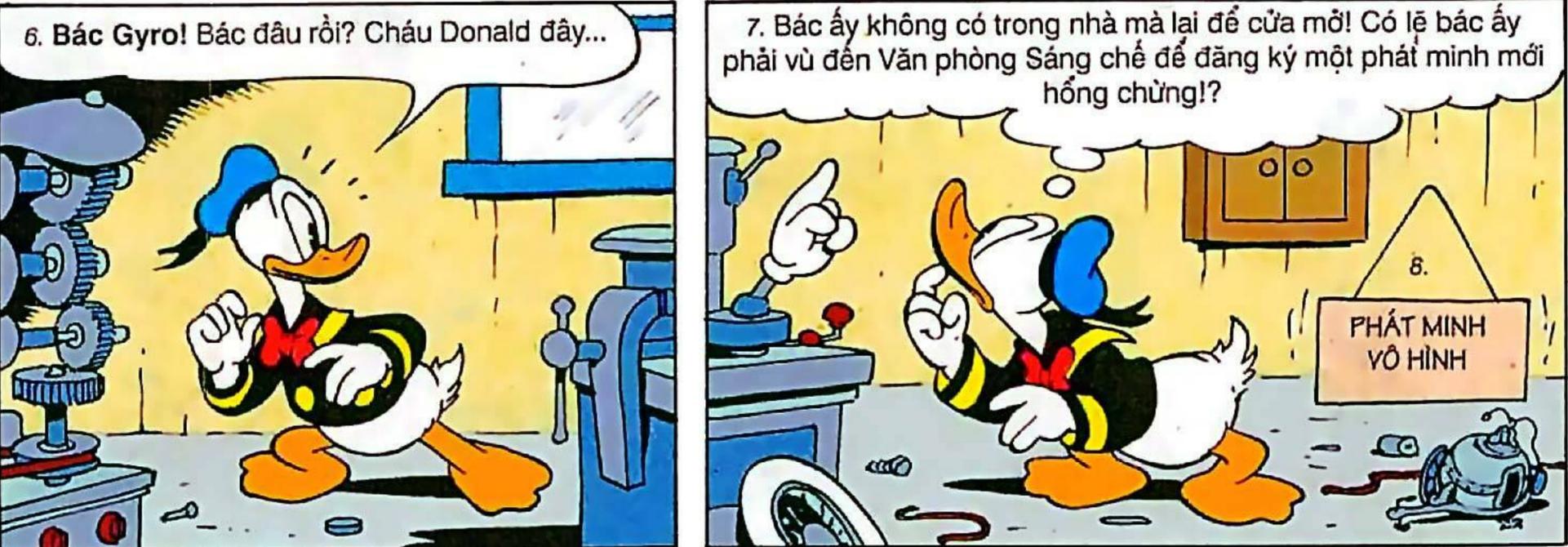
5. Chào, bác Gyro! Cháu chỉ ghé qua và...



6. Bác Gyro! Bác đâu rồi? Cháu Donald đây...

7. Bác ấy không có trong nhà mà lại để cửa mở! Có lẽ bác ấy phải vù đến Văn phòng Sáng chế để đăng ký một phát minh mới hổng chừng!?

8. PHÁT MINH VÔ HÌNH



1. It's a beautiful, sunny, day in Duckburg —
 2. What a nice, long, walk! But I must have walked all the streets in town! I feel rather tired!
 3. Well, there's Gyro's workshop!

4. I think I'll call on him and perhaps have a break!
 5. Hi, Gyro! I was just passing by and...
 6. Gyro! Where are you? It's Donald...

7. He's not in, and he left the door open!
 8. INVISIBLE INVENTION

Perhaps he had to rush off to the Patent Office to register a new invention!?



9. Bác ấy lúc nào cũng bận rộn với các dự án kỳ quái...

10.

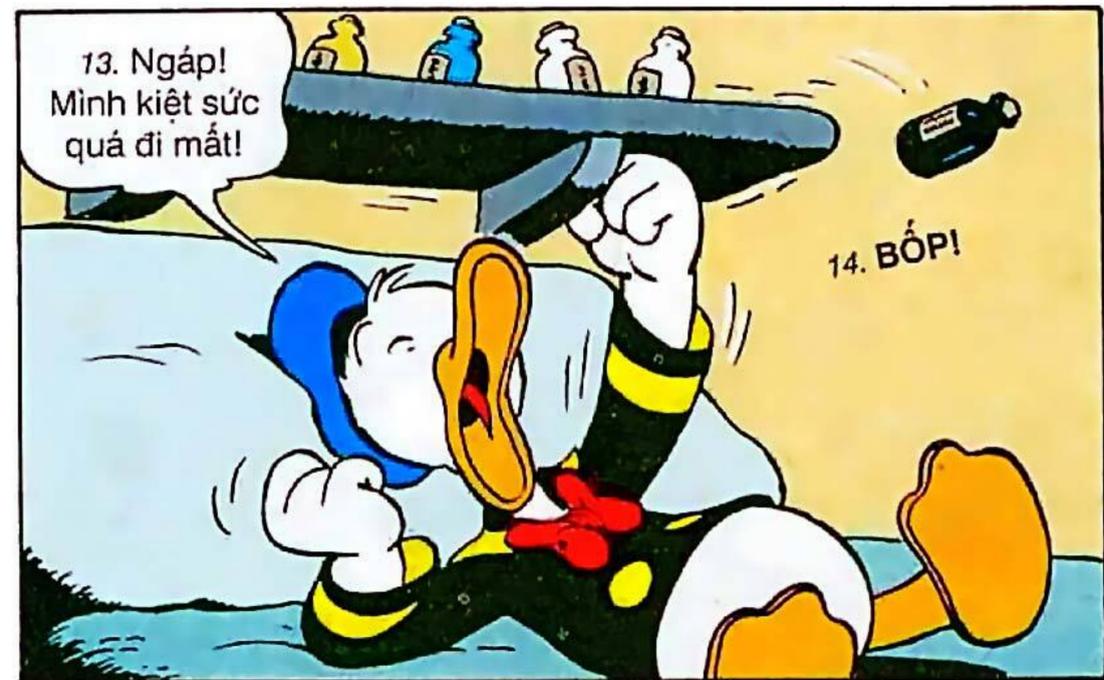
PHÁT MINH VÔ ÍCH

11.

MÁY PHÁT HIỆN NÓI DỐI



12. À, cái giường này có đúng lúc đây! Mình sẽ nghỉ ngơi một chút trong khi chờ bác Gyro trở lại!



13. Ngáp! Mình kiệt sức quá đi mất!

14. BÓP!



15. Ưm... Cái nệm này mới êm ái, dễ thương làm sao... Mình sẽ chớp mắt tí thôi...



16. Khòòò... Có lẽ năm phút là đủ rồi... khòòò...



17. Khòòò... Ngáy!... khòòò...

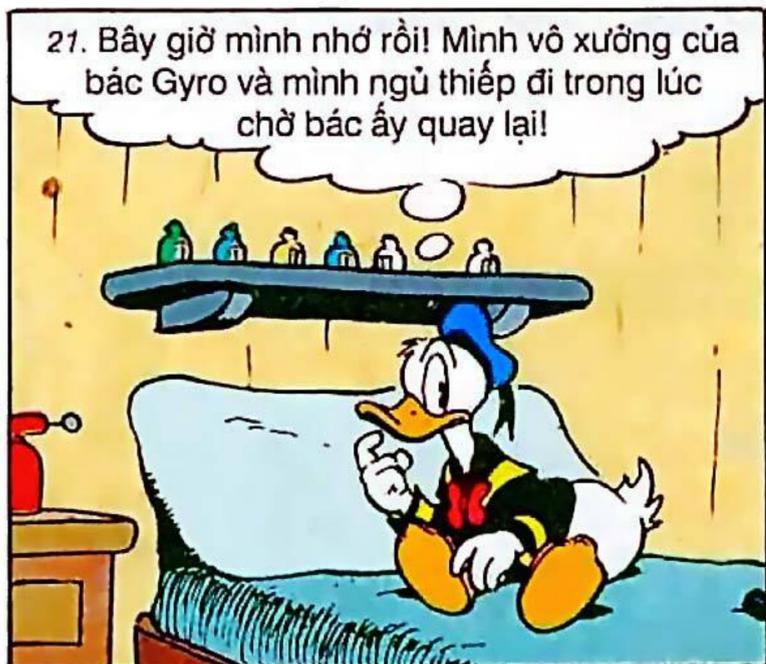


18. QUẶC! QUẶC!

19. ?!



20. Chuyện gì vậy? Mình đang ở đâu thế này?



21. Bây giờ mình nhớ rồi! Mình vô xưởng của bác Gyro và mình ngủ thiếp đi trong lúc chờ bác ấy quay lại!



22. Hồng biết cái gì đã đánh thức mình dậy vậy cà!?

9. He's always busy with some nutty project...
10. USELESS INVENTION
11. LIE DETECTOR
12. Well, this bed comes in handy! I'll rest a while, waiting for Gyro to return!
13. Yawn! I'm really exhausted!

14. BONK!
15. Mmm... what a nice, soft, mattress... I'll just have a quick nap...
16. Zzzz... Five minutes should do the trick... zzzz...
17. Zzzz... Snore!... zzzz...
18. SQUAWK! SQUAWK!

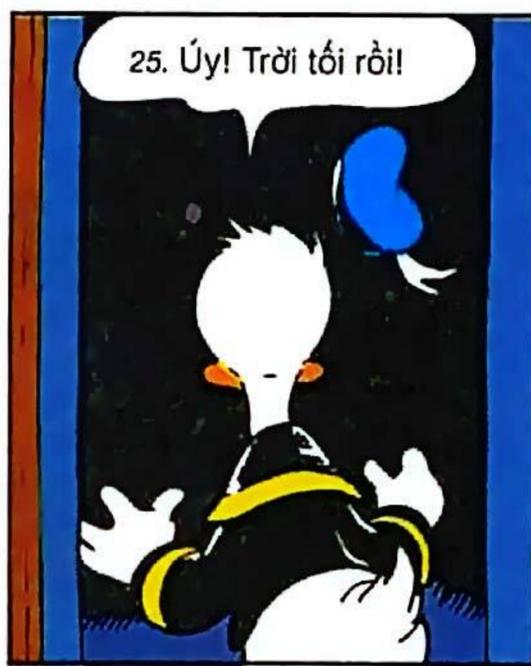
19. ?!
20. What's happening? Where am I?
21. Now I remember! I'm in Gyro's workshop and I fell asleep while waiting for him!
22. I wonder what woke me up!?



23. Ngáp! Giờ thì mình thấy khá hơn rồi, và vì bác Gyro vẫn chưa về...



24. Mình nghĩ mình đi thôi! Mình sẽ ghé lại vào lúc khác vậy!



25. Úy! Trời tối rồi!



26. Chắc là mình mệt quá sức! Mình tưởng là một giấc ngắn ngủi nhưng chắc phải là một giấc ngủ dài!



27. Phải kíp quay về nhà mới được! Lũ nhóc sẽ chẳng biết mình ở đâu! Mình đã đi từ sáng tới giờ!



28. QUÁCI QUÁCI!

29. ?!



30. ÁÁÁÁ! Cái gì vậy?!!

31. QUÁCI QUÁCI!



32. Phì phò! Chúng là những con thần lân bay... và dường như một con trong bọn nó có điều gì đó chống lại mình!



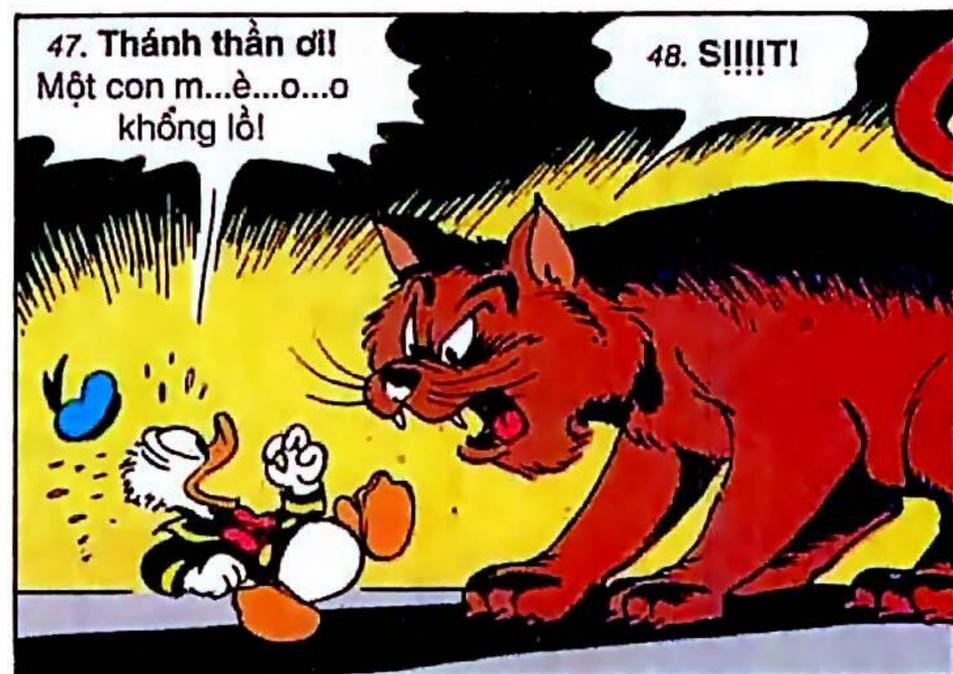
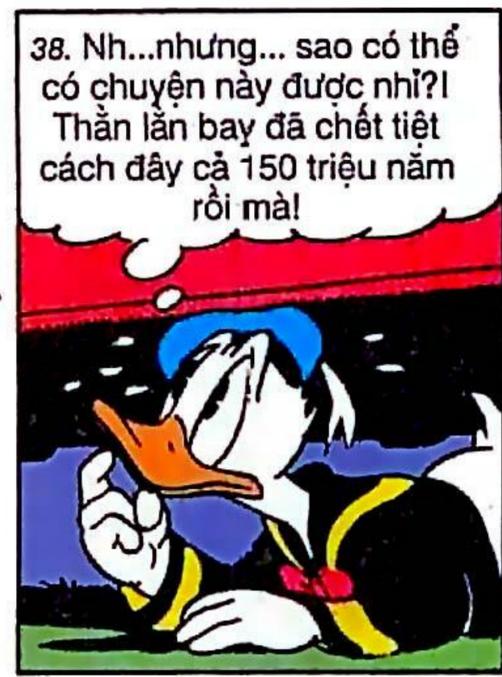
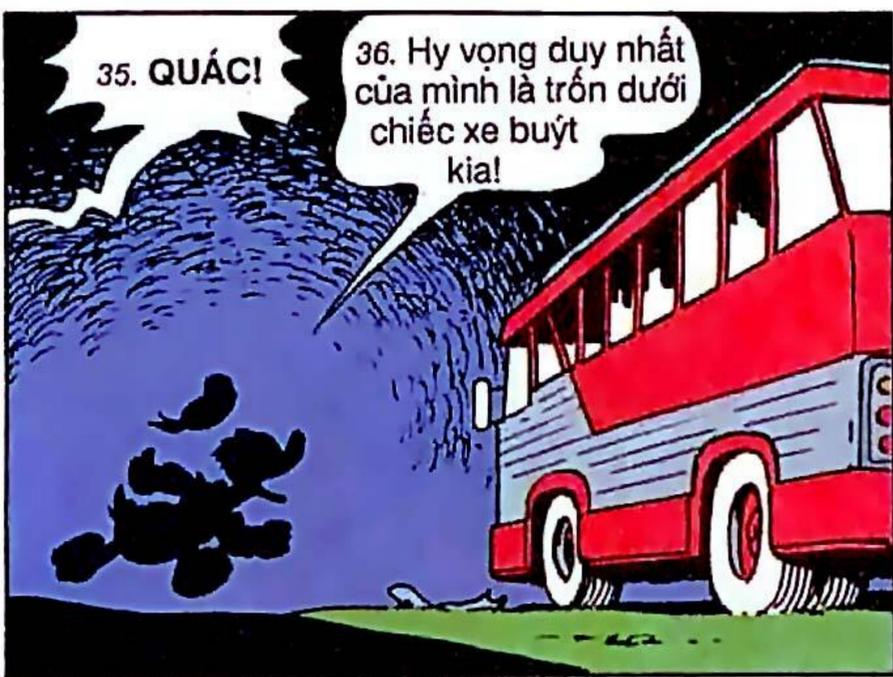
33. QUÁCI!

34. Mình rất ghét chấm dứt cuộc đời theo kiểu là một bữa ăn tối cho con chim thời tiền sử này!

23. Yawn! I feel much better now, and since Gyro hasn't returned yet...
24. ...I think I'll leave! I'll drop by another time!
25. Uack! It's dark!
26. I must have been really tired! What I thought was a short nap must have been

a long sleep!
27. Must hurry back home! The boys'll be wondering where I am! I've been gone since this morning!
28. SQUAWK! SQUAWK!
29. ?!
30. WAAAH! What's that?!!

31. SQUAWK! SQUAWK!
32. GASP! They are Pterodactyls... and it looks as if one of them has something against me!
33. SQUAWK!
34. I'd sure hate ending my days as supper for that prehistoric bird!



35. SQUAWK!
36. My only hope is to hide under that bus!
37. Here I'll be safe from the monster!
38. B-but... how is it possible?! The Pterodactyls died out 150 million years ago!
39. Aaaarrgh! It's stronger than a helicop-

ter! I'm doomed!
40. >Phew!< That's right, birdie! Use public transportation! Take the bus!
41. SQUAWK! SQUAWK!
42. I'm out of here!
43. I must have had a hallucination! I'd better grab a taxi home!

44. I wonder what time it is!? Nobody seems to be around!
45. I've never seen Duckburg so deserted before! Where is everybody?
46. MIAUUU!
47. Holy Mackerel! A giant C-C-CAT!
48. HISSSS!



49. Ê! > Phi! < Thay vì tao thì mày đi bắt chuột đi! Chuột là thứ mà mày thích - chứ đâu phải vịt!

50. MEEEEO!



51. > Hự! Phi! < Nhưng chuyện gì vậy cà?! Đầu tiên là lũ thần lần bay và bây giờ là một con mèo to tướng, một con có khẩu vị quái lạ!



52. Lần này mình đã hóa điên thật rồi chẳng?!

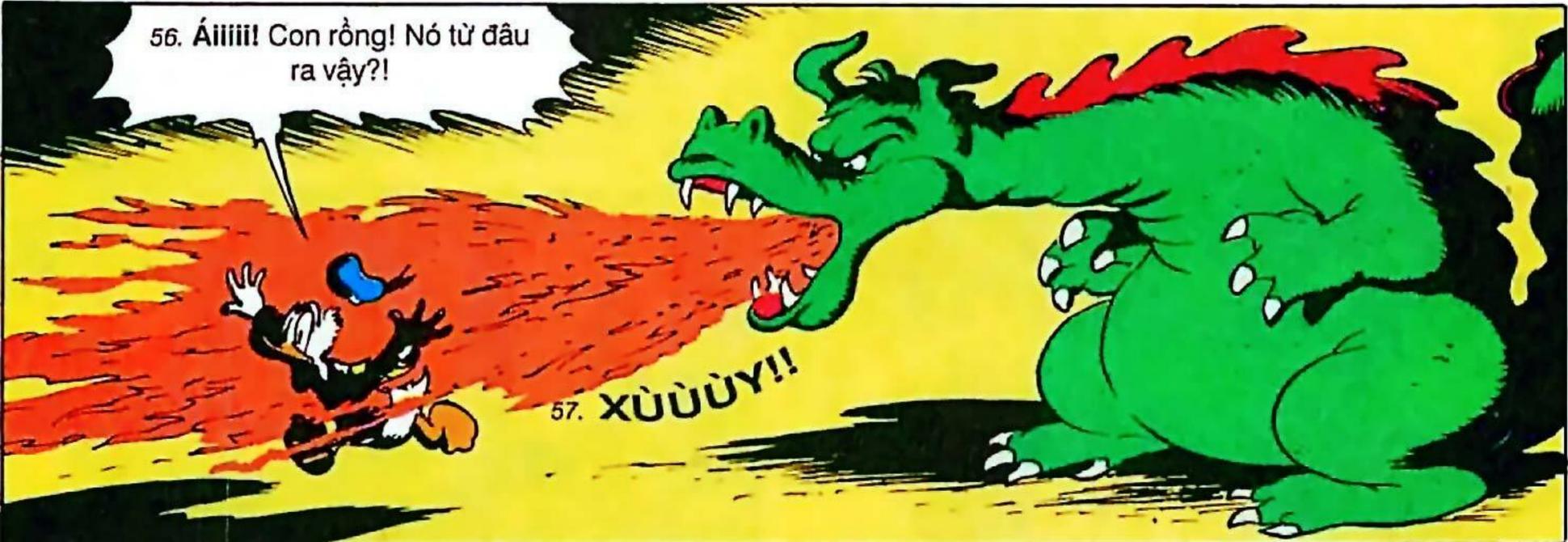


53. Nó có còn ở đó không vậy?



54. Oái!

55. XÙÙÙY!



56. Áiiiii! Con rồng! Nó từ đâu ra vậy?!

57. XÙÙÙY!!



58. Con mèo so ra còn có vẻ thân thiện hơn! Mình nên chuẩn thôi!



59. Sau 24 dãy phố...

60. > Phi phò! < Mình không thể chạy nổi nữa!

61. Tôi cũng vậy! > Phi phò! <

49. Hey! > Pant! < Go for a mouse instead! That's what you like - not ducks!
 50. MIAU!
 51. > Huff! Puff! < What is this anyway?! First the Pterodactyls and now a giant cat, who's got a strange taste in food!
 52. Have I really gone round the bend

this time?!
 53. Is it still there?
 54. Uack!
 55. SWOOOUSH!
 56. Aiiieeee! A dragon! Where did that come from?!
 57. SWWOOOUSSH!

58. The cat looked almost friendly in comparison! I'd better make tracks!
 59. 24 blocks later —
 60. > Pant! < I can't run anymore!
 61. Neither can I! > Puff! <



62. A...ai nói đó?

63. Tôi đây! Tôi vừa mới nói là tôi cũng kiệt sức rồi!



64. Ối! Không thể nào! Con ngựa biết nói!

65. Có thể chứ, bộ điều đó không thể nào tin được à?!



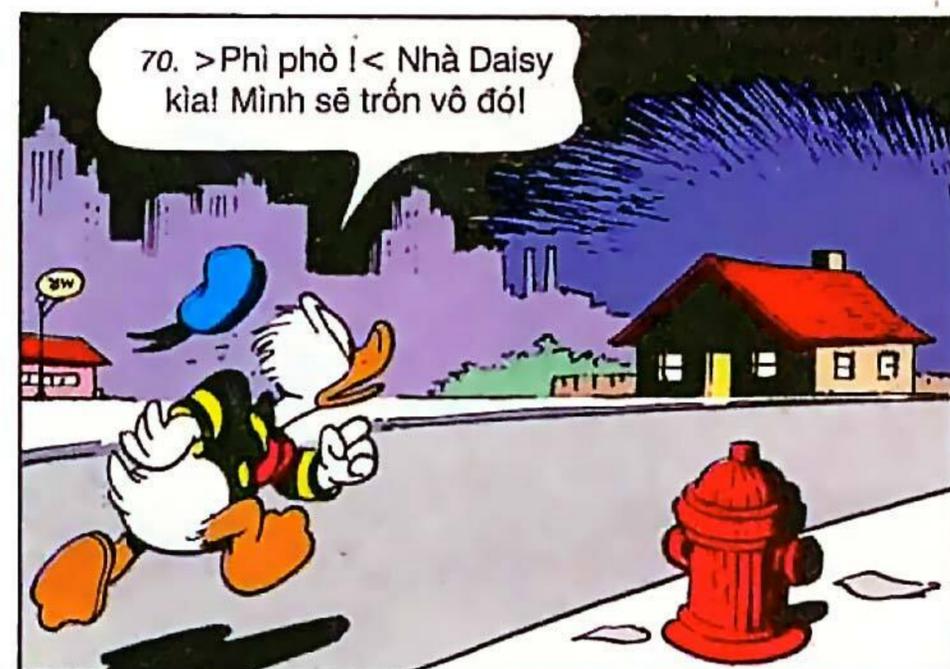
66. Đây là lần đầu tiên mà tôi nghe một con ngựa nói đây!

67. Và chó cũng nói được!!!



68. Ôôô...! Thật là quá mức! Mình chắc điên mất thôi!

Thời buổi khắc nghiệt, hử, phải không ông bạn?



70. >Phi phò! < Nhà Daisy kia! Mình sẽ trốn vô đó!



71. Daisy à! Nhiều chuyện không thể nào tin nổi đang xảy ra...

Em biết mà! Chuyện không thể tin nổi là anh dám đến đây trễ như vậy!



73. Em đang đợi anh à? Tại sao...?

74. Anh thừa biết là anh có nhiệm vụ phải sửa mái nhà, sơn các bức tường, đi mua sắm cho em, cắt cỏ, nấu ăn, rửa chén, giặt ủi, lau chùi cửa sổ, vá quần áo...



75. Cái gì?!

76. Em nói... Anh có nhiệm vụ phải sơn cỏ, rửa mái nhà, sửa chén bát...

62. W-who said that?

63. I did! I just said that I'm exhausted too!

64. Uack! Impossible! The horse speaks!

65. Yeah, ain't it incredible?!

66. It's the first time I've ever heard a horse speak!

67. And so does the dog!!!

68. UUUHHH! This is too much! I must

be losing my mind!

69. Times are tough, huh, bud?

70. >Pant! < Daisy's house! I'll hide in there!

71. Daisy! The most incredible things are happening...

72. I know! It's incredible that you dare arrive so late!

73. Were you waiting for me? Why...?

74. You know perfectly well that you are supposed to repair the roof, paint the walls, do my shopping, mow the lawn, cook, do the dishes, do the laundry, polish the windows, mend the clothes...

75. What?!

76. I said... You're supposed to paint the lawn, wash the roof, repair the dishes...



77. Anh không hiểu! Em làm ơn giải thích lại đi!

78. Hừ...! Vịt Donald, anh làm em phát điên lên được!



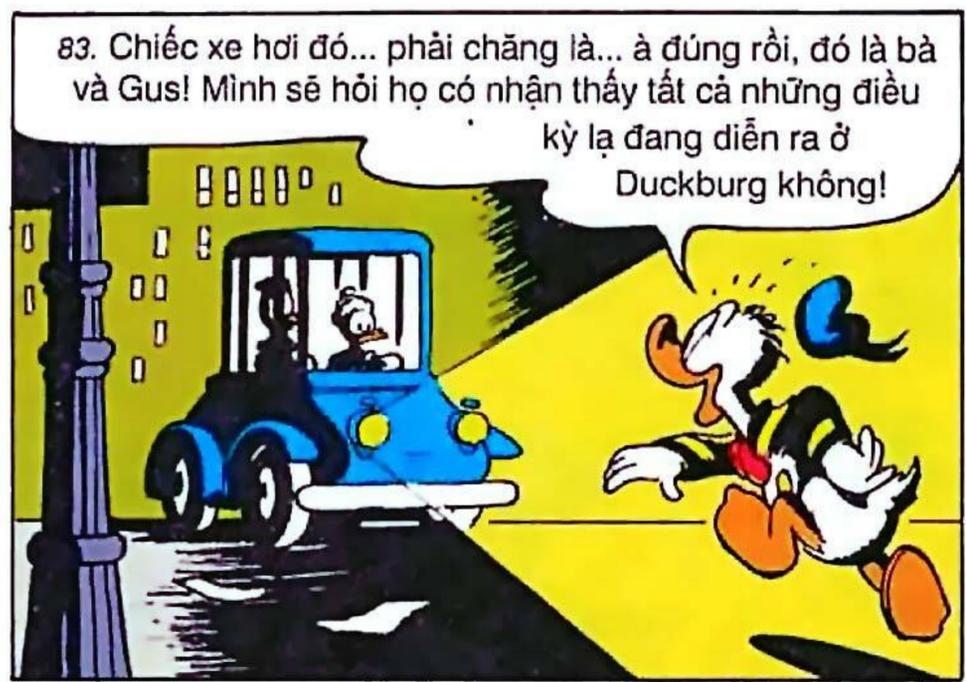
79. Anh phải nấu bãi cỏ, cắt mái nhà, và cửa sổ, lau chùi việc đi mua sắm...

80. Lau chùi việc đi mua sắm? Cắt mái nhà? Anh đi đây!



81. Đứng lại ngay, cái tên lưỡi nhót thây! Anh phải nấu các bức tường, và bãi cỏ...

82. Hình như mình không phải là người duy nhất ở đây hóa điên!



83. Chiếc xe hơi đó... phải chăng là... à đúng rồi, đó là bà và Gus! Mình sẽ hỏi họ có nhận thấy tất cả những điều kỳ lạ đang diễn ra ở Duckburg không!



84. Bà ơi, dừng lại đi! Cháu phải nói chuyện với bà!

85. KÉÉÉT!



86. Chuyện gì thế hả, Donald?

87. Một số chuyện quái gở đang xảy ra và cháu hồng biết bà có nhận thấy không...



88. Có, bà có thấy... và bà hết sức tuyệt vọng, bối rối và lo lắng!

89. Đỡ quá! Vậy là không phải óc tưởng tượng của cháu đang bị điên!



90. Nói cho cháu biết đi... bà đã thấy gì? Cái gì làm cho bà lo lắng?



91. Đó là Gus! Hãy coi nó thay đổi ra sao kia! Nó không thèm món bánh nướng của bà nữa!

92. Bà nói đúng! Anh bị sứt cân rất nhiều!

77. I don't get this! Please, explain again!

78. Grrrrrr! Donald Duck, you're driving me crazy!

79. You have to cook the lawn, cut the roof, mend the windows, polish the shopping...

80. Polish the shopping? Cut the roof? I'm gone!

81. Stop right there, you lazybody! You must cook the walls, mend the lawn...

82. I'm not the only one around who's

gone gaga, it seems!

83. That car... isn't that... yes, it's Grandma and Gus! I'll ask them if they have noticed all the strange things going on in Duckburg!

84. Grandma, stop! I have to talk to you!

85. SCREEEECH!

86. What's up, Donald?

87. Something weird is going on and I was wondering if you have noticed...

88. Yes, I have... and I'm really desperate, confused and worried!

89. What a relief! It's not my imagination going berserk!

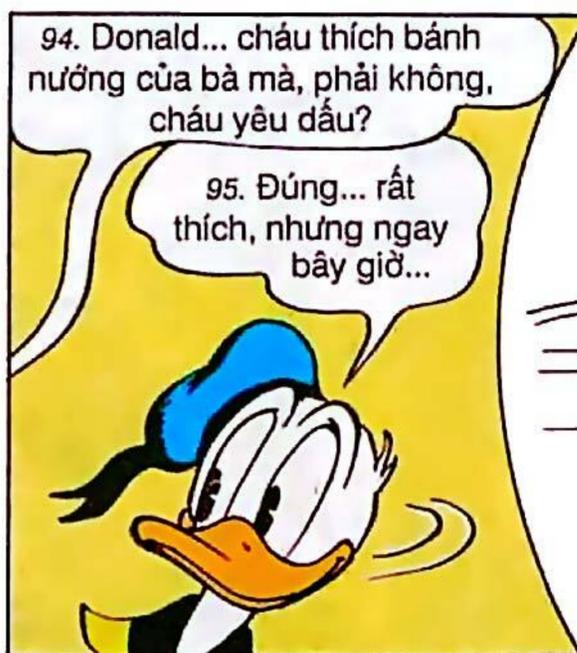
90. Tell me... what did you see? What's worrying you?

91. It's Gus! Look at how he's changed! He doesn't want my pies anymore!

92. You're right! He's really lost weight!



93. Thật bi thảm, đặc biệt kể từ lúc chiếc xe được chất đầy bánh nướng! Ôi những chiếc bánh mới ngon, hấp dẫn làm sao!



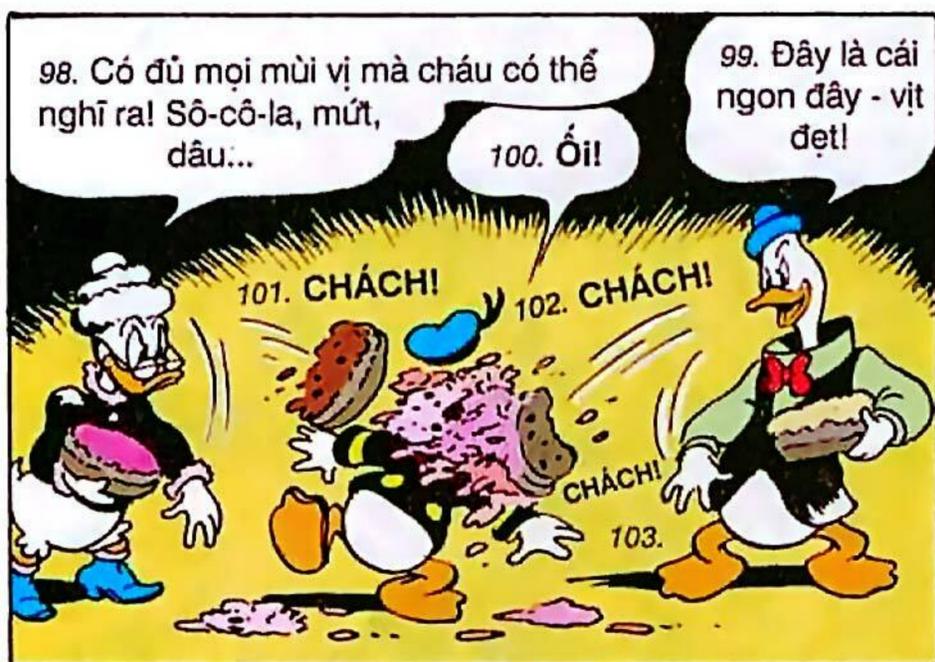
94. Donald... cháu thích bánh nướng của bà mà, phải không, cháu yêu dấu?

95. Đúng... rất thích, nhưng ngay bây giờ...



96. Thì có đây! Cháu có thể ăn hết tất cả!

97. CHÁCH!



98. Có đủ mọi mùi vị mà cháu có thể nghĩ ra! Sô-cô-la, mứt, dâu...

100. Ối!

99. Đây là cái ngon đây - vệt đệt!

101. CHÁCH!

102. CHÁCH!

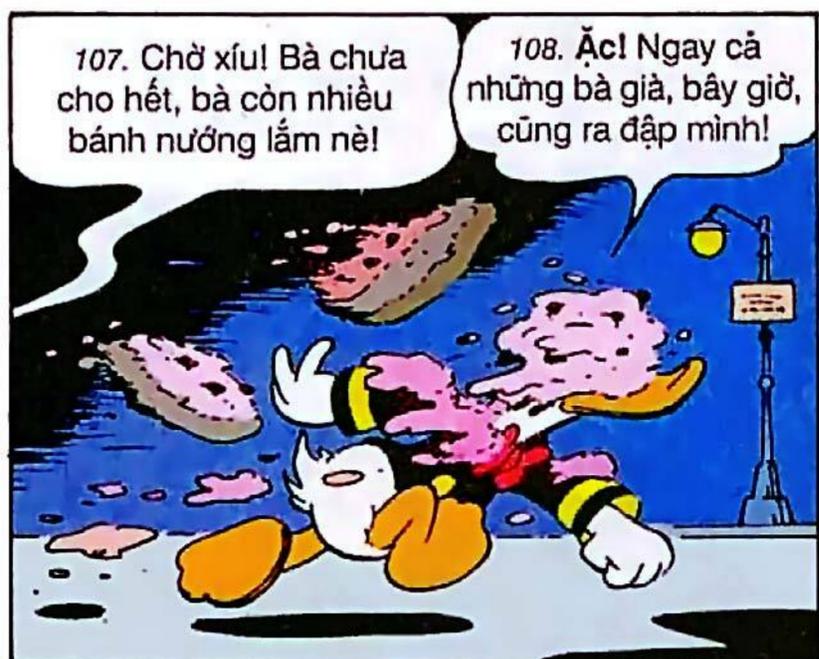
103. CHÁCH!



104. Hãy thưởng thức món ăn gây ấn tượng nhất của bà đây! Bánh kem nướng!

105. Úi!

106. ỤC!



107. Chờ xíu! Bà chưa cho hết, bà còn nhiều bánh nướng lắm nè!

108. Ặc! Ngay cả những bà già, bây giờ, cũng ra đập mình!



109. May quá! >Phi phò! < Một ông cảnh sát! Àt là ông có thể giúp được mình!

110. Lá la là la!



111. Ông cảnh sát ơi, tôi cần được giúp đỡ! Tôi vừa thấy những việc không thể nào tin nổi! Các con thần lẩn bay! Mấy con rồng! Đám thú vật biết nói...



112. Và cậu muốn tôi giúp, phải không cậu bé?!

113. >Trời! < Một gã Beagle Boy làm cảnh sát!

93. It's tragic, especially since the car is stuffed with pies! Delicious, tasty, pies!
 94. Donald... you like my pies, don't you, dear?
 95. Well... very much, but right now...
 96. Here you are then! You can have all of them!
 97. SPLASH!
 98. There's every taste you can think of! Chocolate, jam, strawberry...
 99. Here's a nice one — rhubarb!

100. Uack!
 101. SPLISH!
 102. SPLASH!
 103. SPLOSH!
 104. Enjoy my pièce de résistance! Cream pie!
 105. Glurg!
 106. SPLOOOF!
 107. Wait a second! I'm not finished, I have a lot of pies left!
 108. Urk! Even old ladies are out to get

me now!
 109. What luck! >Pant! < A policeman! He must be able to help me!
 110. De-dum-de-dem!
 111. Officer, I need help! I've seen the most incredible things! Pterodactyls! Dragons! Talking animals..
 112. And you want me to help you, old boy?!
 113. >Gasp! < A Beagle Boy policeman!
 (Xem tiếp tập 29)

VỊT DONALD

Hãy bình tĩnh

Người dịch : TRẦN TÂN MỸ

D92317



1. Ôi chao, trời nóng quá! Và dự báo thời tiết bảo rằng ngày mai cũng sẽ nóng như vậy! Mình nên làm nhiều nhiều đá cục vào!

1. Whew, it's hot! And the weather forecast says tomorrow will be just as hot! I'd better make lots of ice cubes!



2. Ngày hôm sau...

3. Ah! Giờ này uống trà đá là vừa... với trọng âm trên chữ đá!



4. Ủa...?! Mở đá cục mình làm hôm qua đâu hết rồi?!

2. The next day — 3. Ahh! It's time for iced tea... with the accent on ice! 4. Wha...?! Where are all the ice cubes I made?!



5. Mở nước đá đó không thể đi đâu... chờ đã!

6. À, kia kia!



7. Lũ nhóc tí tui bay làm gì với mở đá cục của tao vậy?

5. All that ice couldn't just walk away... wait! 6. There it goes now! 7. What are you kids doing with my ice cubes?!

TRUYENTRANH PHAP BI.COM

